

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch, Trần Phú, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2016**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Mục lục

| | |
|-------------------------------|-----------|
| THÔNG TIN CHUNG | 5 |
| TỔ CHỨC NHÂN SỰ | 17 |
| TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM | 27 |
| BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC | 37 |



45 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

49 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

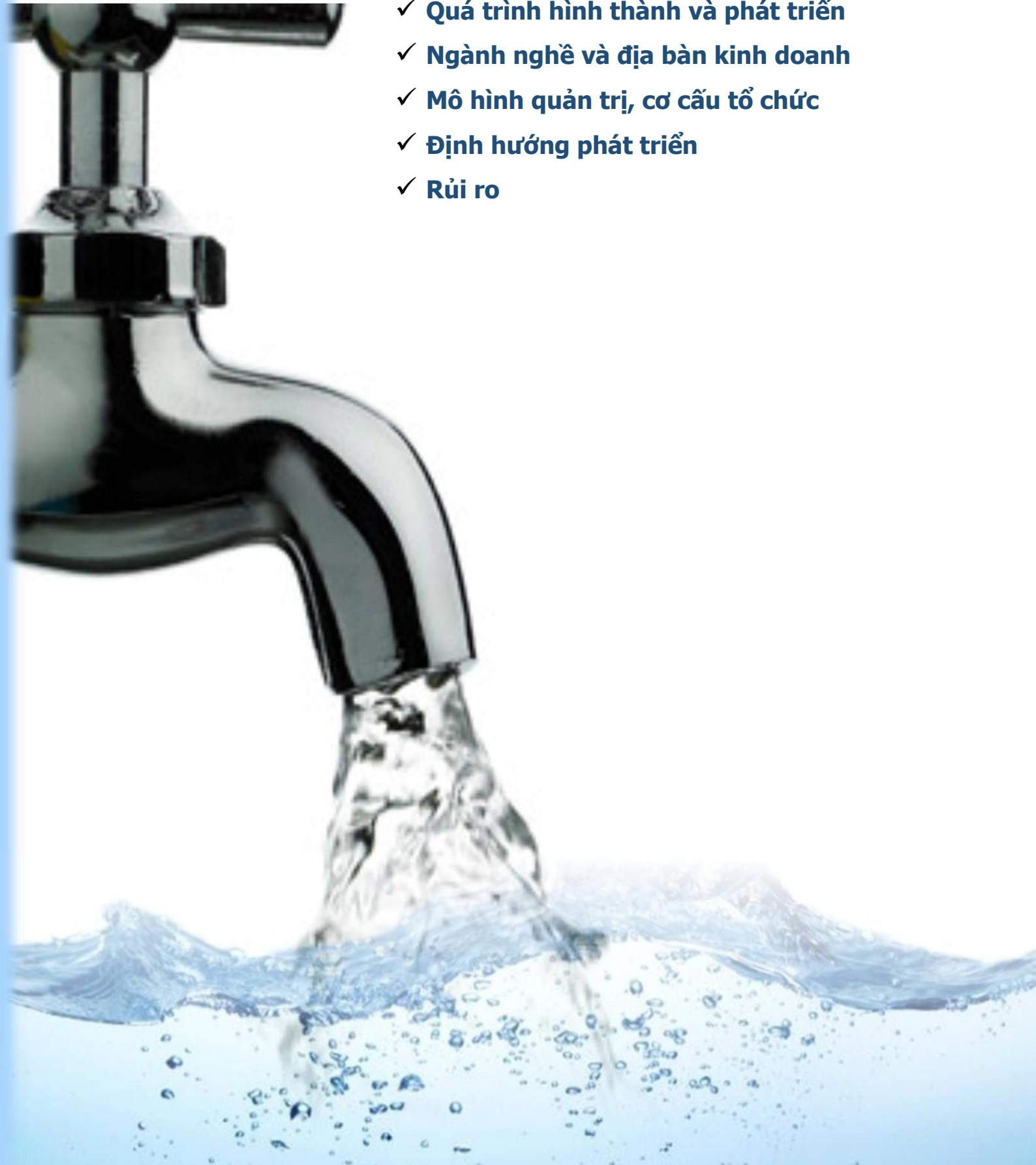
53 QUẢN TRỊ CÔNG TY

59 BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2016



THÔNG TIN CHUNG

- ✓ Thông tin khái quát
- ✓ Quá trình hình thành và phát triển
- ✓ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ✓ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- ✓ Định hướng phát triển
- ✓ Rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | | |
|-----------------------|---|--|
| Tên công ty | : | CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH |
| Tên giao dịch | : | NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | : | NTW |
| Giấy CNĐKDN số | : | 3600977120 đăng ký thay đổi lần 5 ngày 26 tháng 5 năm 2016 |
| Vốn điều lệ | : | 75.000.000.000 VND (Bảy mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) |
| Vốn đầu tư chủ sở hữu | : | 75.000.000.000 VND (Bảy mươi lăm tỷ đồng Việt Nam) |
| Địa chỉ | : | KCN Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |
| Số điện thoại | : | (84-61) 3 560 574 |
| Số fax | : | (84-61) 3 560 031 |
| Website | : | www.ntw.com.vn |
| Email | : | nhotrawa@yahoo.com.vn |
| Mã cổ phiếu | : | NTW |

Logo công ty



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân là xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai được thành lập theo quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở Xây dựng Đồng Nai

1997

UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 36/QĐ.CT.UBT

2004

Chuyển đổi thành CTCP Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBNN ngày 24/09/2007 của UBNN tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty Cổ phần.

2007

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho CTCP Cấp nước Nhơn Trạch. Ngày 14/02/2008 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498.

2008

Cổ phiếu Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM với vốn điều lệ là 50.000.000.000 VNĐ.

2012

Thực hiện thành công đợt tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu theo nghị quyết lấy ý kiến ĐHĐCĐ số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015. Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, vốn điều lệ của NTW hiện đang là 75 tỷ đồng.

2016



NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hiện nay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- *Khai thác xử lý, cung cấp nước*
 - *Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt*
 - *Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp*
 - *Phân phối nước sạch*
- *Xây dựng công trình công ích*
 - *Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước*
 - *Xây dựng trạm bơm*
- *Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí*
 - *Lắp đặt ống cấp, thoát nước, bơm nước*
- *Hoạt động kiến trúc và tư vấn có liên quan*
 - *Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình*
 - *Xây dựng, hoàn thiện công trình cấp nước*

Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) có địa bàn hoạt động kinh doanh chủ yếu tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.



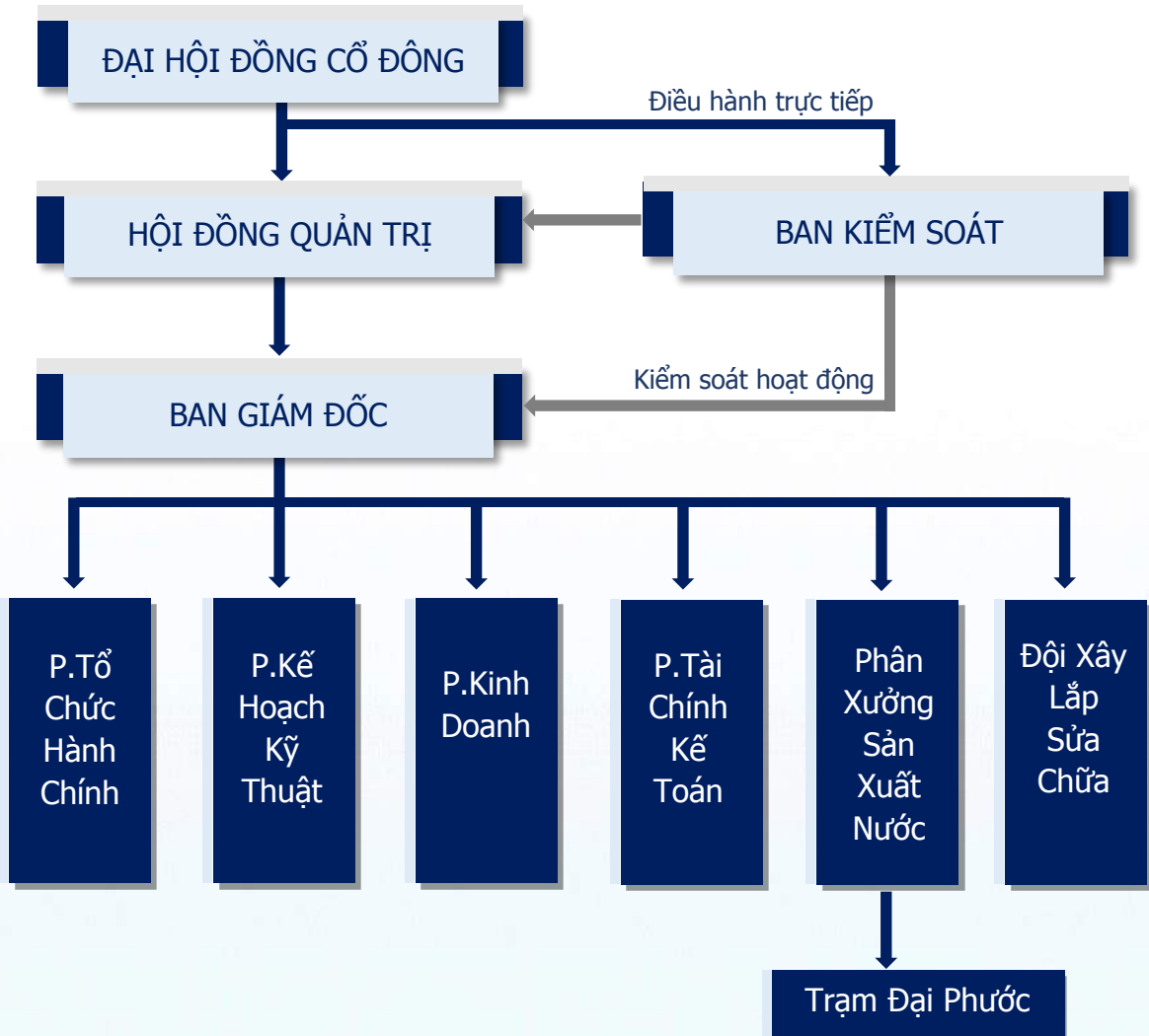
MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị Công ty
- Ban kiểm soát
- Ban Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch (NTW) không có công ty con, công ty liên kết.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực cấp nước hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đặt các mục tiêu phát triển chủ yếu sau:

- ❖ Đảm bảo cung cấp nước ổn định cho địa bàn hoạt động và không ngừng mở rộng khu vực kinh doanh.
- ❖ Duy trì và nâng cao chất lượng nước cung cấp theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế.
- ❖ Tối đa hóa lợi ích kinh tế của cổ đông đi đôi với phát triển bền vững.
- ❖ Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ❖ Kiểm soát giá vốn hàng bán: Do đặc thù hoạt động trong ngành cung cấp nước, công ty cần kiểm soát chi phí chủ yếu là điện năng, nguồn nước và một số loại hóa chất chuyên xử lý nước như phèn, vôi, clo,... để cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh.
- ❖ Uy tín và chất lượng: Tận dụng tối đa các nguồn lực có sẵn đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ tìm kiếm, sửa chữa kịp thời các lỗi phát sinh. Để đảm bảo việc cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt của các doanh nghiệp, tổ chức và khu dân cư trên địa bàn hoạt động.
- ❖ Đội ngũ nhân sự: Có kế hoạch cho việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ sở hạ tầng và quản lý kinh doanh, phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng một đơn vị cấp nước vững mạnh.



Các mục tiêu đối với môi trường xã hội

Với hoạt động chính là sản xuất và phân phối nước sạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cộng đồng, Công ty luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình đối với môi trường, cộng đồng và xã hội. Sau đây là mục tiêu cụ thể của công ty đối với môi trường và xã hội:

Đối với xã hội, cộng đồng

- Đảm bảo hệ thống cung cấp nước luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhằm mang lại nguồn nước ổn định cho người dân, doanh nghiệp và các tổ chức trong địa bàn hoạt động của công ty.
- Đảm bảo chất lượng nước luôn đạt chuẩn, an toàn cho người sử dụng; thường xuyên rà soát mạng lưới cấp nước, các trạm bơm và trạm biến áp, đảm bảo chất lượng nguồn nước an toàn và đồng nhất cho mọi khách hàng.
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động từ thiện, quyên góp hỗ trợ các đối tượng khó khăn thông qua các chương trình ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, Tiếp bước cho em đến trường.

Đối với môi trường

Trong quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng chất lượng nước, đảm bảo được các chỉ tiêu Lý - Hóa và vi sinh theo quy định của Bộ Y Tế. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các quy định về khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên là nước ngầm nhằm bảo vệ nguồn nước tránh cạn kiệt, ô nhiễm. Ngoài ra, Công ty cũng có biện pháp hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm môi trường phát sinh từ các hoạt động sản xuất, thi công xây lắp.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Năm 2016, hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động, tăng trưởng thương mại toàn cầu có xu hướng giảm gây ra những ảnh hưởng nhất định đến kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng kinh tế nước ta đã có sự chậm lại với mức GDP năm 2016 đạt 6,21% giảm nhẹ so với năm trước.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác và phân phối nước sạch, đây là yếu tố không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và sản xuất của dân cư do đó các chuyển biến kinh tế xã hội không ảnh hưởng nhiều đến Công ty.

Rủi ro pháp luật

NTW luôn có sự quan tâm đến các văn bản luật liên quan đến việc quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước. Ngoài ra, trong những năm gần đây, các văn bản luật nền tảng cùng với các quy định về kế toán, thuế, chứng khoán đã có sự thay đổi, điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Công ty.



Biện pháp

Mặc dù không chịu nhiều tác động của kinh tế chung. Tuy nhiên, Công ty vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn đối với loại rủi ro này.



Biện pháp

Cập nhật liên tục quá trình thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của công ty.

Chú ý đánh giá những tác động của các quy định mới đối với công ty để đề ra biện pháp ứng phó kịp thời nhằm hạn chế những rủi ro trong quá trình hoạt động.

Tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên cập nhật kiến thức pháp luật bằng cách cử nhận sự tham dự các buổi hội thảo phổ biến các quy định mới của cơ quan ban ngành và đơn vị tư vấn doanh nghiệp.

Từng bộ phận phòng ban có trách nhiệm tìm hiểu và xây dựng quy trình hoạt động phù hợp với luật pháp đồng thời đáp ứng được sự linh hoạt trong sản xuất kinh doanh.



Rủi ro nguyên vật liệu, giá cả và các yếu tố đầu vào

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nguồn nước ngầm tự nhiên. Sự thay đổi về chất lượng và lưu lượng nước thô ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý nước của Công ty. Bên cạnh đó các nguyên vật liệu xử lý nước bao gồm Clo (Cl_2) và Natri Hydroxyt ($NaOH$) được công ty mua từ các nhà cung cấp nên chi phí đầu vào sẽ phần nào ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đặc thù ngành cung cấp nước là ngành dịch vụ công cộng và thuộc sự kiểm soát của Nhà nước. Vì vậy, giá bán nước cung cấp cho dân cư và các khách hàng chịu sự kiểm soát giá nước của Nhà nước. Với phương án giá đã được phê duyệt, Công ty chịu rủi ro về giá khá cao nếu không kiểm soát được chi phí phát sinh.

Biện pháp

Tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ hợp tác với các đơn vị cung cấp nguyên vật liệu xử lý nước, đồng thời tìm kiếm những nguồn cung cấp mới để có sự chọn lựa thông minh tiết kiệm chi phí đầu vào.

Luôn theo sát và thực hiện đúng kế hoạch sản xuất để việc sử dụng nguồn nước được hiệu quả nhất, đảm bảo lượng nước thành phẩm cung cấp đầy đủ và liên tục đến khách hàng

Có kế hoạch cụ thể về lượng nước sản xuất và nguyên vật liệu cần để xử lý nước. Bên cạnh đó tích cực kiểm tra các nguồn nước thất thoát từ đó làm cho việc quản lý chi phí đầu vào luôn đạt hiệu quả tốt.

CÁC RỦI RO

Rủi ro về mạng lưới phân phối nước

Đối với một doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước sạch thì rủi ro thất thoát nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty. Rủi ro lớn nhất là rò rỉ, hư hỏng đường ống dẫn làm thất thoát nước ảnh hưởng đến nguồn nước của khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Với mạng lưới phân bố rộng khắp gây nhiều khó khăn trong công tác kiểm soát. Bên cạnh đó một bộ phận người dân thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận chỉ số khi sử dụng nước gây thất thoát trầm trọng.

Biện pháp

Định kỳ, các bộ phận chuyên trách tại Công ty lại tiến hành kiểm tra và rà soát hệ thống cung cấp nước nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới phân phối nước này.

Có kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa, nâng cấp đường ống, xây hàng rào và nhà bảo vệ cho các trạm bơm, trạm tăng áp và các giếng khoan.

Tăng cường kiểm tra giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có dấu hiệu gian lận để tránh thất thoát



Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó, chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư.

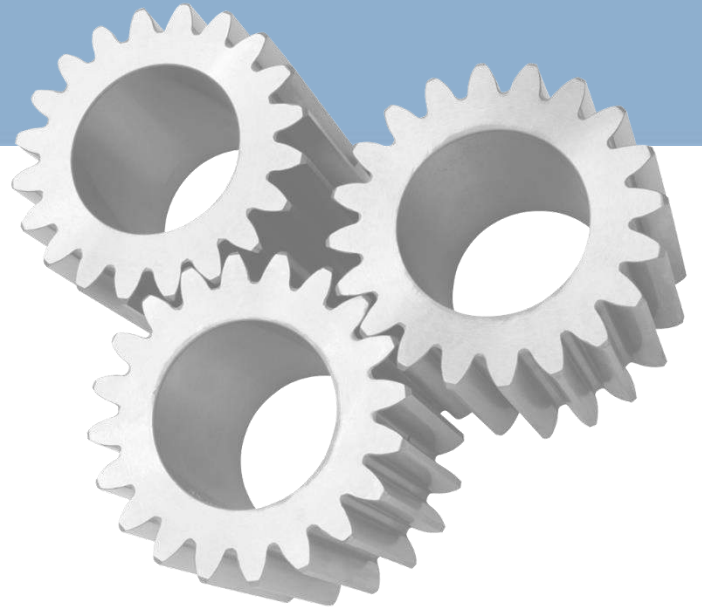
Biện pháp

Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- ✓ **Ban điều hành công ty**
- ✓ **Hội đồng quản trị**
- ✓ **Ban kiểm soát**
- ✓ **Những thay đổi trong ban điều hành**
- ✓ **Tình hình nhân sự và chính sách đối với người lao động**

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên ban điều hành công ty

| Thành viên Ban Điều hành | Chức Vụ |
|--------------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám Đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám Đốc |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám Đốc |
| Đặng Thị Thu Hằng | Phụ trách phòng Tài chính Kế toán |

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành:

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc

Năm sinh: 1967

Nơi sinh: Thanh Hóa

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế. Kỹ sư cấp thoát nước

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 45.000 cổ phần - tỷ lệ 0,6% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 900.000 cổ phần - tỷ lệ 12% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|-------------|---|
| 1968 - 1988 | Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành - Đồng Nai |
| 1988 - 1989 | Công ty Dừa Long Thành - Đồng Nai |
| 1989 - 1997 | Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai |
| 1997 - Nay | Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch nay là Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch - Đồng Nai |



Ông Võ Quang Hồng – Phó Giám Đốc

Năm sinh: 1958

Nơi sinh: Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư đô thị

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 999 cổ phần - tỷ lệ 0,013% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 150.008 cổ phần - tỷ lệ 2% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|--|
| 1978 - 2002 | Xí nghiệp Nước Long Khánh – Đồng Nai |
| 2002 - Nay | Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, nay là Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch - Đồng Nai |

Ông Ngô Dương Đại – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc

Năm sinh: 1979

Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

Đại diện phần vốn: 750.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|---|
| 2001 - 05/2012 | Công ty TNHH Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai |
| 06/2012 - Nay | Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch |

Bà Đặng Thị Thu Hằng – Phụ trách phòng Tài chính Kế toán

Năm sinh: 1986

Nơi sinh: Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần – Tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

Quá trình công tác:

| Thời gian | Vị trí |
|------------------|---|
| 2009-2012 | Nhân viên Phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch |
| 2012-2016 | Phó phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch |
| 2016- Nay | Phụ trách phòng TC – KT Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| Thành viên HĐQT | Chức Vụ |
|-----------------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên HĐQT kiêm Giám Đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên HĐQT |
| Ông Nguyễn Chí Quốc | Thành viên HĐQT |

CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ❖ **Ông Nguyễn Cao Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 1.382.802 cổ phần - tỷ lệ 18.437% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám Đốc**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 45.000 cổ phần - tỷ lệ 0.6% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn: 900.000 cổ phần - tỷ lệ 12% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Ngô Dương Đại – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 750.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Thanh Bình – Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 286.849 cổ phần - tỷ lệ 3.825% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Chí Quốc - Thành viên Hội đồng quản trị**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần

BAN KIỂM SOÁT

| Thành viên Ban kiểm soát | Chức Vụ |
|----------------------------|------------|
| Ông Trần Văn Thù | Trưởng Ban |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Thành viên |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên |

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

- ❖ **Ông Trần Văn Thù – Trưởng Ban kiểm soát**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 1.200 cổ phần – Tỷ lệ 0,016%
 - Đại diện phần vốn: 750.000 cổ phần - tỷ lệ 10% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Nguyễn Tấn Dũng – Thành viên Ban kiểm soát**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
 - Đại diện phần vốn: 150.000 cổ phần – Tỷ lệ 2,00% vốn điều lệ
- ❖ **Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm – Thành viên Ban kiểm soát**
 - Số lượng cổ phiếu sở hữu cá nhân: 124.950 cổ phần - tỷ lệ 1.666% vốn điều lệ
 - Đại diện phần vốn: 0 cổ phần



NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm Công ty đã có những thay đổi trong BĐH như sau:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua Đơn từ nhiệm chức vụ thành viên BKS của Ông Nguyễn Việt Hưng và bầu bổ sung Ông Trần Văn Thùy là thành viên BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018. Ban kiểm soát đã tiến hành họp phiên thường kỳ đầu tiên để bầu lại chức danh Trưởng BKS, Ông Trần Văn Thùy được bầu làm trưởng BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018 thay Ông Nguyễn Tấn Dũng.

Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty với Ông Trần Văn Thùy ngày 25/04/2016 theo nghị quyết số 07/2016/QĐ-HĐQT-NTW. Giao nhiệm vụ phụ trách phòng Kế toán Tài chính cho Bà Đặng Thị Huyền tiếp quản ngày 25/04/2016 theo nghị quyết số 08/2016/QĐ-HĐQT-NTW. Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty với Bà Đặng Thị Huyền ngày 01/09/2016 theo nghị quyết số 10/2016/QĐ-HĐQT-NTW. Giao nhiệm vụ phụ trách phòng Kế toán Tài chính cho Bà Đặng Thị Thu Hằng tiếp quản ngày 01/09/2016 theo nghị quyết số 08/2016/QĐ-HĐQT-NTW.

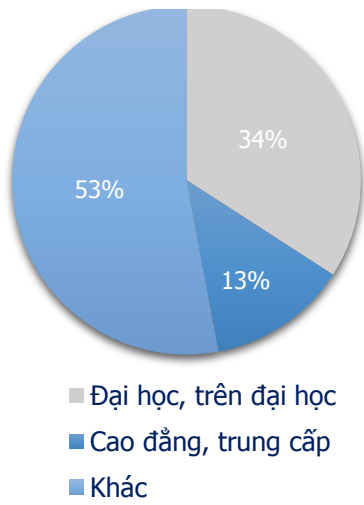
TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động năm 2016 là 85 người

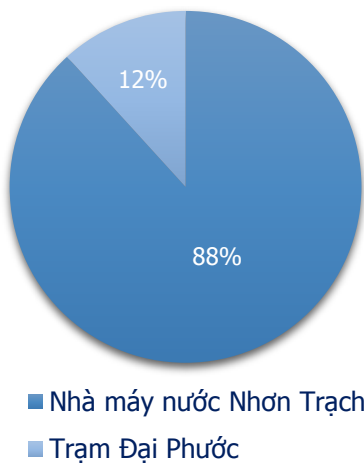
Trong đó:

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2015 | Năm 2016 | Tỷ trọng 2016 |
|----------|--------------------------------|-----------|-----------|---------------|
| A | Theo trình độ | 82 | 85 | 100% |
| 1 | Trình độ đại học, trên đại học | 27 | 29 | 34,12% |
| 2 | Trình độ cao đẳng, trung cấp | 11 | 11 | 12,94% |
| 3 | Khác | 44 | 45 | 52,94% |
| B | Theo địa bàn công tác | 82 | 85 | 100% |
| 1 | Nhà máy nước Nhơn Trạch | 72 | 75 | 88,24% |
| 2 | Trạm Đại Phước | 10 | 10 | 11,76% |
| C | Theo trình độ lao động | 82 | 85 | 100% |
| 1 | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | 48 | 40 | 47,06% |
| 2 | Trình độ bậc thợ | 34 | 45 | 52,94% |

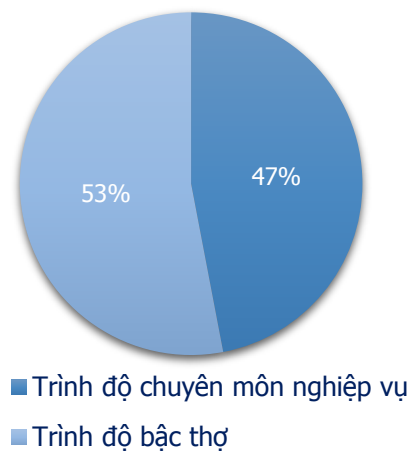
Theo trình độ



Theo địa bàn công tác



Theo trình độ lao động



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

| THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI) | | |
|--|------|---|
| STT | Năm | Mức lương bình quân (Đồng/ người /tháng) |
| 1 | 2014 | 6.500.000 |
| 2 | 2015 | 7.250.000 |
| 3 | 2016 | 9.950.000 |

Với tiêu chí nguồn nhân lực là chìa khóa cốt lõi trong sự thành công của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo luôn dành sự quan tâm thích đáng để duy trì và phát triển năng lực của mỗi cá nhân, từ đó tạo dựng sự vững chắc trong việc phát triển của Công ty.

Trong năm 2016, Công ty đã tạo điều kiện 09 CB.CNV tập huấn nghiệp vụ về luật xây dựng, thuế và luật lao động. Chi trả tiền lương, tiền thưởng, ngày Lễ, Tết cho CB.CNV, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo đúng quy định. Đời sống người lao động được cải thiện, an tâm công tác.

Điều kiện và chế độ làm việc

Đảm bảo an toàn lao động luôn là ưu tiên hàng đầu của Công ty trong hoạt động thường ngày của mình. Hằng năm Công ty đều đánh giá, kiểm tra điều kiện làm việc của nhân viên, đặc biệt là khối sản xuất, thi công nhằm đảm bảo các điều kiện về an toàn và đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định. Công ty đã xây dựng hoàn thành xong trụ sở làm việc mới tạo điều kiện cho CBCNV có điều kiện làm việc, công tác tốt hơn.

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty luôn rõ ràng và minh bạch. Việc chi trả lương thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ Công ty. Công ty xây dựng phù hợp với thực trạng của doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Các quy định của Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đều được Công ty áp dụng thực hiện tốt cho người lao động như: nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, thăm nom khi gia đình có hữu sự....

Ngoài ra, theo truyền thống, Công ty còn tổ chức các buổi tham quan nghỉ mát định kỳ cho CBCNV. Năm vừa qua, công tác này đã được thực hiện trong tháng 08 và 09 cho toàn thể người CBCNV và người lao động trong Công ty.

Công tác đào tạo

Nhân sự là nguồn lực quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp, họ là yếu tố đóng góp rất lớn trong quá trình sản xuất kinh doanh khi Công ty thực hiện mục tiêu hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Ý thức được điều đó, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ và các lớp đạo tạo cá nhân nếu có. Ngoài ra, đối với những hội thảo triển khai các văn bản pháp luật mới sẽ được Công ty phân công cán bộ tham dự và sẽ phổ biến lại cho khối nghiệp vụ liên quan.

Với những chính sách như trên, Công ty đã tạo được sự gắn kết lâu dài với các CBCNV, trong những năm qua hầu như không có sự biến động lớn nào về nhân sự của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 
- ✓ **Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
 - ✓ **Tình hình hoạt động đầu tư**
 - ✓ **Tình hình tài chính**
 - ✓ **Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu**
 - ✓ **Báo cáo tác động môi trường và xã hội của công ty**

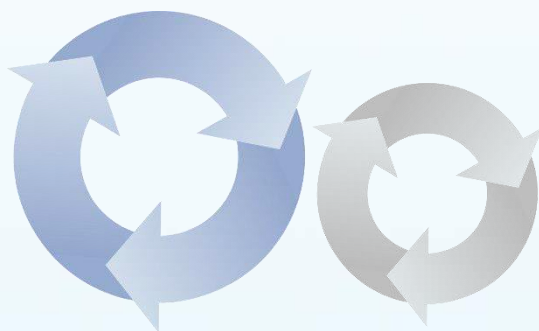
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2015 | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | Tỷ lệ % | |
|-------------------------|----------------|----------------|---------------|----------------|------------|-----------------|
| | | | | | TH/KH 2016 | TH 2016/TH 2015 |
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 12.688.245 | 12.853.914 | 13.715.300 | 106,70% | 108,09% |
| Sản lượng ghi thu | m ³ | 11.827.218 | 11.954.277 | 12.898.919 | 107,90% | 109,06% |
| Tỷ lệ thất nước thoát | % | 6,79% | 7,00% | 5,95% | - | - |
| Tổng doanh thu | 1000Đ | 130.595.881 | 125.564.599 | 136.358.943 | 108,60% | 104,41% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1000Đ | 42.465.188 | 19.272.916 | 23.923.233 | 124,13% | 56,34% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1000Đ | 33.030.372 | 15.418.333 | 19.072.186 | 123,70% | 57,74% |
| Tỷ suất LNST/VĐL | % | 66,06% | 20,56% | 25,43% | - | - |
| Các khoản nộp ngân sách | 1000Đ | 19.849.456 | 7.622.071 | 7.993.590 | 104,33% | 40,27% |
| Tỷ lệ chia cổ tức | % | - | 20% | - | - | - |

Năm 2016, lượng nước sản xuất từ Công ty tăng nhẹ 7,67% so với năm trước, trong đó nước sản xuất tại Nhon Trạch có sự sụt giảm 28,47%, nước mua qua đồng hồ tổng từ chi nhánh cấp nước Long Thành gia tăng đáng kể đến 73,17%, đây cũng chính là nguyên nhân chính gia tăng giá vốn hàng bán của Công ty trong năm vừa qua. Theo đó, giá vốn hàng bán của NTW năm 2016 tăng đến 34,30% từ 76,500 tỷ lên 102,743 tỷ đồng, riêng giá vốn nước mua qua đồng hồ tổng tăng 64,92% từ 43,111 tỷ lên 71,098 tỷ đồng.

Kết thúc năm tài chính lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt mức 19.072 tỷ đồng, tuy chỉ bằng 57,74% so với năm trước nhưng nếu xét về kế hoạch thì Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ đạt 123,70% kế hoạch năm 2016. Ngày 15/06/2016, Công ty cổ phần Cấp nước Nhon Trạch cũng đã tiến hành chi trả cổ tức năm 2015 đúng như kế hoạch đã đề ra, theo đó tỷ lệ thực hiện sẽ bằng 20%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 2.000 đồng).



Công tác sản xuất và tiếp nhận

| Các chỉ tiêu | ĐVT | KH 2016 | TH 2016 | TH/KH 2016 (%) | TH 2016/TH 2015(%) |
|--------------------------------|----------------|-------------------|-------------------|----------------|--------------------|
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 12.853.914 | 13.715.300 | 106,70% | 107,67% |
| - Nước sản xuất Nhơn Trạch | " | 5.059.643 | 5.871.323 | 116,04% | 71,53% |
| - Nước mua qua đồng hồ tổng | " | 7.794.271 | 7.843.977 | 100,64% | 173,17% |
| Sản lượng nước ghi thu | m ³ | 11.954.277 | 12.898.919 | 107,90% | 108,70% |
| - Nước sản xuất Nhơn Trạch | " | 4.643.251 | 5.422.776 | 116,79% | 71,52% |
| - Nước mua qua đồng hồ tổng | " | 7.311.026 | 7.476.143 | 102,26% | 174,49% |
| Tỷ lệ nước thất thoát | % | 7,00 | 5,95 | -1,05% | -0,89% |
| - Nhơn Trạch | " | 8,23 | 7,64 | -0,59% | 0,01% |
| - Qua đồng hồ tổng | " | 6,20 | 4,69 | -1,51% | -0,72% |

Việc cung cấp nước của Công ty trong năm qua được lấy từ 2 nguồn chính như sau:

- ❖ Nguồn nước được sản xuất và xử lý tại nhà máy, trạm bơm Đại Phước. Nguồn nước này được duy trì xuyên suốt trong cả năm qua.
- ❖ Nguồn nước tiếp nhận mua nước từ Chi nhánh cấp nước Long Thành thông qua đồng hồ tổng tại Trạm bơm tăng áp Formosa theo chế độ bơm 1 ngày, nghỉ 5 ngày cung cấp đủ lưu lượng và áp lực nước cần thiết cho khách hàng trên địa bàn.

Chất lượng nước từ hai nguồn trên đều đảm bảo các chỉ tiêu Lý - Hóa và vi sinh cho phép

| Đơn vị lấy mẫu | Tổng số mẫu | | Tổng hợp lý hóa | | | Tổng hợp vi sinh | | |
|----------------|-------------|----------|-----------------|---------|-------|------------------|---------|-------|
| | Nước thô | Nước máy | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | % đạt | Mẫu không đạt | Mẫu đạt | % đạt |
| Đại Phước | 0 | 24 | 0 | 24 | 100 | 0 | 24 | 100 |
| Nhơn Trạch | 0 | 24 | 0 | 24 | 100 | 0 | 24 | 100 |
| Cộng | 0 | 48 | 0 | 48 | 100 | 0 | 48 | 100 |

Công tác sửa chữa và bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị

Công tác sửa chữa bảo trì và khắc phục sự cố kịp thời đảm bảo yêu cầu kỹ thuật phục vụ tốt cho công tác sản xuất. Năm 2016 vệ sinh hồ lắng, hồ lọc, hoàn thành xây dựng nền đặt thiết bị xử lý nước, xây dựng nhà bơm trạm Đại Phước, sửa chữa ống bể D160 đường Hùng Vương, ống bể D200 đường Trần Phú, ống bể D400 PVC cấp cho công ty Formosa, ống bể D300 trạm B ống thu gom nước thô. Sửa chữa, thay thế phụ tùng các trụ cứu hỏa trên hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Nhơn Trạch bị mất cắp và hư hỏng, sửa chữa các hố bảo vệ các giếng khoan khu vực các bãi giếng

Công tác an toàn lao động, VSCN và PCCN

Tuyên truyền vận động CB - CNV thực hiện tốt nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ. Trong năm 2016 công tác an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ thực hiện tốt, không có sự cố nào xảy ra

Công tác phát triển khách hàng

Tổng số thủy lượng kể tính đến 31 tháng 12 năm 2016: 5.160 cái đây là con số cho thấy sự gia tăng đáng kể so với cùng thời điểm này năm trước 3.905 cái, điều này chứng tỏ công tác phát triển khách hàng trong năm đã được Công ty thực hiện tốt. Năm 2016, khu dân cư Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Phú Hội, Đại Phước, Phú Hữu và Phú Đông huyện Nhơn Trạch là 1.255 đồng hồ, tăng 166% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể :

| STT | Khu vực | Lắp đặt mới | Sửa chữa di dời | Thay đồng hồ | Bảo hành | Chuyển nhượng |
|-----|------------------|--------------|-----------------|--------------|----------|---------------|
| 1 | Cơ quan | 14 | 31 | 4 | 0 | 1 |
| | Nhơn Trạch | 13 | 31 | 4 | | 1 |
| | Đại Phước | 1 | | | | |
| 2 | Hộ dân cư | 1.241 | 7 | 0 | 0 | 2 |
| | Hiệp Phước | 783 | 3 | 0 | | |
| | Long Thọ | 31 | 1 | - | - | - |
| | Phước Thiện | 59 | - | - | - | - |
| | TT Huyện | 4 | 1 | - | - | - |
| | Đại Phước | 124 | 1 | | 0 | 2 |
| | Phú Hữu | 240 | 1 | | 0 | 0 |
| | Tổng cộng | 1.255 | 38 | 4 | 0 | 3 |

Công tác kiểm tra hệ thống cấp nước và thủy lượng kế khách hàng

Để ghi nhận và giải quyết nhanh chóng các trường hợp thủy lượng kế của khách hàng hư hỏng, chạy không chính xác và hạn chế thất thoát nước trên toàn mạng lưới cấp nước, Công ty vẫn duy trì thực hiện định kỳ việc kiểm tra Hệ thống cấp nước, mạng lưới cấp nước truyền tải và phân phối định kỳ mỗi tháng 2 lần, đồng thời kiểm tra xử lý van và các thiết bị trên mạng lưới cấp nước nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tỷ lệ nước thất thoát.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

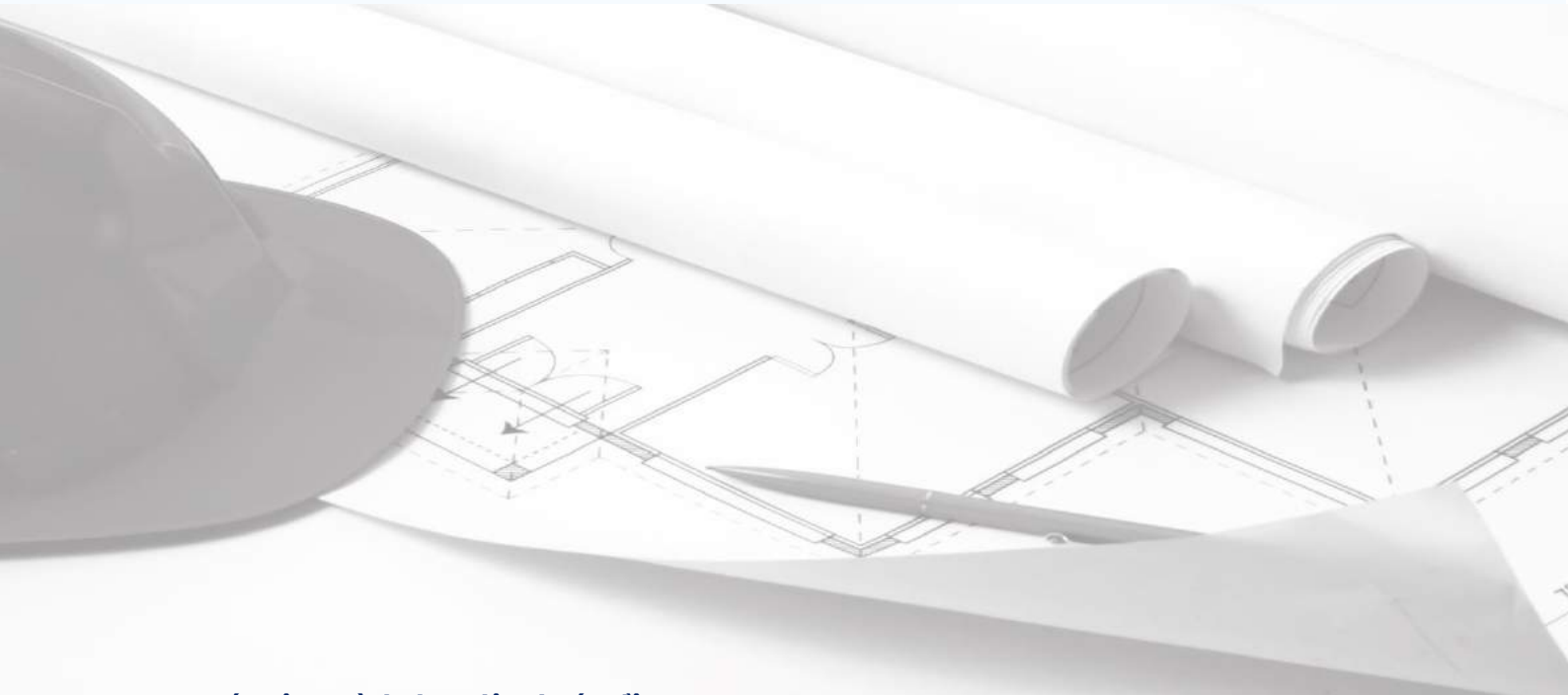
Thực hiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch triển khai thực hiện tiếp các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, tình hình hoạt động đầu tư năm 2016 của NTW như sau:

Các công trình đã hoàn thành

- ❖ Công trình: Thổi rửa giếng khoan trạm bơm Đại Phước.
- ❖ Công trình: Cải tạo tuyến ống truyền tải Trạm bơm Đại Phước.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm ông Tư Tăng - Xã Phú Hữu.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm ông Hai Quây - Xã Phú Hữu.
- ❖ Công trình: Đấu nối trạm bơm tiếp áp vào đường ống cụm Kho cảng 186.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống các hẻm xã Hiệp Phước - Hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng 10 hẻm giai đoạn 2 ngày 29/01/2016. Cấp nước ổn định cho người dân trong các hẻm trên địa bàn xã Hiệp Phước.
- ❖ Công trình: San lấp mặt bằng trạm bơm tăng áp Phú Hữu
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường hẻm 446 - Xã Phước Thiện.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước đường ấp Bến Chùa, xã Phước Thiện.
- ❖ Công trình: Tuyến ống cấp nước D200 đường ĐT769 - Xã Phú Hội.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Cây Bàng - Xã Long Thọ.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Nhứt - Xã Long Thọ.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Đầy - Xã Long Thọ.
- ❖ Công trình: Đường dây 22KV và TBA 3P-22/0,4KV 3x25KVA bơm nước Phú Hữu – Cty CP Cấp nước Nhơn Trạch.
- ❖ Công trình: HTCN KCN Nhơn Trạch 2.500m3/ngày.đêm. Hạng mục: đường dây cấp nguồn cho các giếng bơm.
- ❖ Công trình: Đấu nối tuyến ống cấp nước D300 KCN - Nhơn Trạch 2 - Nhơn Phú vào tuyến ống cấp nước D600.
- ❖ Công trình: Trụ sở nhà làm việc Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.
- ❖ Công trình: Kết nối đường dẫn vào trụ sở Công ty CP Cấp nước Nhơn Trạch với đường D3 KCN Vinatex Tân Tạo.

Các công trình đang triển khai thi công

- ❖ Công trình: Sửa chữa đài nước trạm bơm Đại Phước. Hiện công ty đang trình phê duyệt bản vẽ dự toán và Ký hợp đồng triển khai thi công.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Lâm Triều - Đang thi công.
- ❖ Công trình: Lắp đặt tuyến ống cấp nước hẻm Ông Tài - Đang thi công.



Các công trình đang lập dự án đầu tư

- ❖ Công trình: Nâng cấp, mở rộng nhà máy xử lý nước Đại Phước công suất 5.000m³/ngày-đêm. Hiện đã làm việc với tư vấn thống nhất phương án thiết kế. Tư vấn thiết kế chỉnh sửa hoàn thiện hồ sơ BCKTKT.
- ❖ Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường Hùng Vương. Tư vấn thiết kế đã chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của Công ty CP Cấp nước Đồng Nai, trình thẩm tra.
- ❖ Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ. NTW đã gửi hồ sơ Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai thẩm tra hồ sơ thiết kế bản vẽ Thi công - Dự toán.
- ❖ Dự án: Xây dựng HTCN liên xã Phú Đông Vĩnh Thanh và Phước Khánh - công suất 2.800m³/ngày-đêm. Hiện Công ty đang làm việc thỏa thuận với các hộ dân cho Công ty sử dụng đất để khoan giếng và đặt trạm xử lý sớm triển khai thực hiện công trình nhằm mục tiêu cung cấp nước phục vụ người dân xã Phú Đông, Vĩnh Thanh, Phước Khánh và khu công nghiệp Ông Kèo theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai.
- ❖ Công trình Xây dựng tuyến ống cấp nước đường ĐT769 - Trần Phú xã Phước Thiện. NTW đã gửi hồ sơ Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai thẩm tra thiết kế bản vẽ Thi công - Dự toán. Đang lập hồ sơ xin phép thi công.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| ĐVT : đồng | | | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|
| Chỉ tiêu | Thực hiện 2015 | Thực hiện 2016 | % tăng giảm |
| Tổng tài sản | 202.305.852.804 | 202.317.563.630 | 0,01% |
| Doanh thu thuần | 122.699.395.977 | 131.292.564.297 | 7,00% |
| Giá vốn hàng bán | 76.499.796.101 | 102.742.612.387 | 34,30% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 42.415.229.889 | 23.939.932.374 | -43,56% |
| Thu nhập khác | 3.793.686.464 | 235.149.107 | -93,80% |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.465.188.135 | 23.923.233.022 | -43,66% |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.030.372.048 | 19.072.186.418 | -42,26% |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|---|------------|-----------------|-----------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 6,02 | 6,03 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 5,68 | 5,71 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 12,29% | 11,59% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 14,02% | 13,11% |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 8,48 | 12,86 |
| Vòng quay tài sản | Vòng | 0,64 | 0,65 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần | % | 26,92% | 14,53% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu | % | 19,56% | 10,71% |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản | % | 16,33% | 9,43% |
| Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần | % | 34,57% | 18,23% |

Chi tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán của Công ty tăng nhẹ so với năm trước. Theo đó, Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,01 lần (tăng từ 6,02 lần lên 6,03 lần) và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng nhẹ 0,03 lần (tăng từ 5,68 lần lên 5,71 lần). Trong năm, tài sản ngắn hạn của Công ty có sự sụt giảm 5,62%, bên cạnh đó nợ ngắn hạn cũng có sự diễn biến tương tự khi đã giảm 5,7% chủ yếu do các khoản phải trả người lao động cuối năm 2016 đã có sự sụt giảm mạnh 36,72% so với năm trước. Hàng tồn kho trong năm cũng đã giảm đến 11,18%, việc sụt giảm này đã có những đóng góp nhất định vào việc làm tăng khả năng thanh toán của NTW.

Chi tiêu về cơ cấu vốn

So với năm trước, cơ cấu vốn của Công ty không có nhiều thay đổi, kết thúc năm 2016 các chỉ số này có xu hướng giảm. NTW vẫn tiếp tục không sử dụng nợ vay dài hạn, như vậy việc sụt giảm của nợ ngắn hạn nêu trên đã làm nợ phải trả của Công ty giảm tương ứng 5,7%, từ 24,67 tỷ xuống còn 23,45 tỷ đồng. Tổng tài sản trong năm tăng nhẹ 0,01%, từ 202,306 tỷ lên 202,318 tỷ đồng, riêng đối với vốn chủ sở hữu việc phát hành thành công thêm 2,5 triệu cổ phiếu phổ thông đã nâng vốn điều lệ công ty từ 50 tỷ lên 75 tỷ đồng, bên cạnh đó NTW trong năm cũng đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển đây chính là những yếu tố chính đã góp phần làm vốn chủ sở hữu năm 2016 tăng nhẹ 0,81% so với năm trước từ 177,437 tỷ lên 178,867 tỷ đồng.



Chi tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 tiếp tục có sự gia tăng, nhờ đó có thể thấy được công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang diễn ra tốt. Trong năm giá vốn hàng bán đã gia tăng đáng kể 34,30%, từ 76,500 tỷ lên 102,743 tỷ đồng, bên cạnh đó hàng tồn kho lại có sự sụt giảm đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm vòng quay hàng tồn kho tăng đến 4,38 vòng (từ 8,48 vòng lên 12,86 vòng). Vòng quay tổng tài sản không có sự thay đổi đáng kể khi tăng nhẹ 0,01 vòng (từ 0,64 vòng lên 0,65 vòng).

Chi tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời năm 2016 của Công ty có sự sụt giảm so với năm trước, nguyên nhân dẫn đến kết quả này do lợi nhuận sau thuế của NTW có sự sụt giảm đến -42,26% từ 33,030 tỷ xuống còn 19,072 tỷ đồng, trong khi đó doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu trong năm lại không có sự thay đổi đáng kể, riêng lợi nhuận từ HĐKD cũng đã giảm 43,56% từ 42,415 tỷ xuống còn 23,940 tỷ đồng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN CÔNG TY

Cổ phần phổ thông: 7.500.000 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 7.500.000 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 0

Mệnh giá: 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0

| STT | Loại Cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|---------------------------|------------|------------------|---------------|
| 1 | Nhà nước | 1 | 3.932.802 | 52,43% |
| 2 | Cổ đông trong nước | 226 | 2.576.049 | 34,35% |
| | Tổ chức | 06 | 508.506 | 6,78% |
| | Cá nhân | 220 | 2.067.543 | 27,57% |
| 3 | Cổ đông nước ngoài | 17 | 991.149 | 13,22% |
| | Tổ chức | 02 | 916.999 | 12,23% |
| | Cá nhân | 15 | 74.150 | 0,99% |
| | Tổng cộng | 244 | 7.500.000 | 100% |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Tên Cổ đông lớn | Số lượng cổ phần đang nắm giữ | Tỷ lệ |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------|---------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai | 3.932.802 | 52,44% |
| 2 | America LLC | 916.599 | 12,22% |
| | Tổng cộng | 4.849.401 | 64,66% |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Thực hiện nghị quyết lấy ý kiến ĐHĐCĐ số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20/10/2015, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã triển khai việc phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Theo đó Công ty đã phát hành thành công thêm 2.500.000 cổ phiếu phổ thông trong năm 2016, nâng số vốn điều lệ của NTW từ 50 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng.

Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC





- ✓ **Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh**
- ✓ **Tình hình tài chính**
- ✓ **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý**
- ✓ **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- ✓ **Giải trình của Ban Giám đốc với ý kiến kiểm toán**
- ✓ **Trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016, Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tiếp tục duy trì sản xuất nước từ nguồn nước ngầm tại trạm bơm Đại Phước và tiếp nhận mua nước từ Chi nhánh cấp nước Long Thành thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Nhìn chung, trong năm vừa qua NTW đã hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo cung cấp nước thành phẩm ổn định và liên tục, phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất, sinh hoạt trong dân cư và các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

Chất lượng nước sản xuất tại Công ty luôn đạt các chỉ tiêu Lý Hóa và vi sinh cho phép, theo đó trong năm 100% các mẫu nước được chọn kiểm tra đánh giá đều đạt yêu cầu chất lượng theo quy định. Công tác đầu tư XD CB được triển khai theo kế hoạch và đúng quy định. Trong năm tình hình phát triển khách hàng đạt được nhiều kết quả tích cực, số thủy lượng kể tại khu dân cư Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Phú Hội, Đại Phước, Phú Hữu và Phú Đông huyện Nhơn Trạch đạt mức 1.255 đồng hồ, tăng 166% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, các hoạt động đoàn thể, ATLĐ, PCCC đều được Công ty chú trọng duy trì thực hiện đúng với quy định.

Tình hình kinh doanh năm 2016

| ĐVT: nghìn đồng | | | | | |
|----------------------|-------------|-------------|-------------|----------------|---------------------|
| Chỉ tiêu | TH 2015 | KH 2016 | TH 2016 | TH/KH 2016 (%) | TH 2016/TH 2015 (%) |
| Tổng doanh thu | 130.595.881 | 125.564.599 | 136.345.652 | 108,59% | 104,40% |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.465.188 | 19.272.916 | 23.923.233 | 124,13% | 56,34% |
| Lợi nhuận sau thuế | 33.030.372 | 15.418.333 | 19.072.186 | 123,70% | 57,74% |

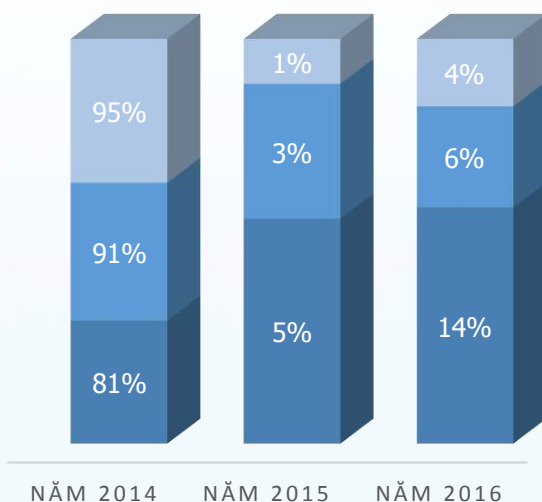
Tổng doanh thu năm qua đạt 136,35 tỷ đồng đạt 104.40% so với năm 2015 và vượt 8,59% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên việc tiếp nhận nước từ CTCP Cấp nước Đồng Nai từ tháng 4/2015 cũng đã làm tăng chi phí của Công ty. Theo đó trong năm 2016, tỷ trọng nước sản xuất từ nguồn này chiếm đến 57,19% tổng sản lượng nước của NTW, giá vốn trong năm đã tăng 34,30% từ 76,500 tỷ lên 102,743 tỷ đồng, riêng giá vốn nước mua qua đồng hồ tổng từ CTCP Cấp nước Đồng Nai tăng 64,92% từ 43,111 tỷ lên 71,098 tỷ đồng. Vì thế, mặt dù hoàn thành tốt kế hoạch, nhưng cả lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều sụt giảm so với năm 2015. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế đạt 23,92 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 19,07 tỷ đồng lần lượt bằng 56,34% và 57,74% so với năm trước.

Về cơ cấu doanh thu, trong 3 năm qua, doanh thu từ sản xuất nước của Công ty luôn giữ tỷ trọng ưu thế trong tổng doanh thu. Hoạt động này mang lại 94,72% doanh thu của cả công ty trong năm qua, xây lắp chỉ chiếm 1,57% và 3,71% còn lại từ doanh thu khác – chủ yếu từ việc ghi nhận lãi tiền gửi và lãi cho vay. Cơ cấu doanh thu cho thấy công ty luôn tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính đã định hướng ngay từ những ngày đầu thành lập.

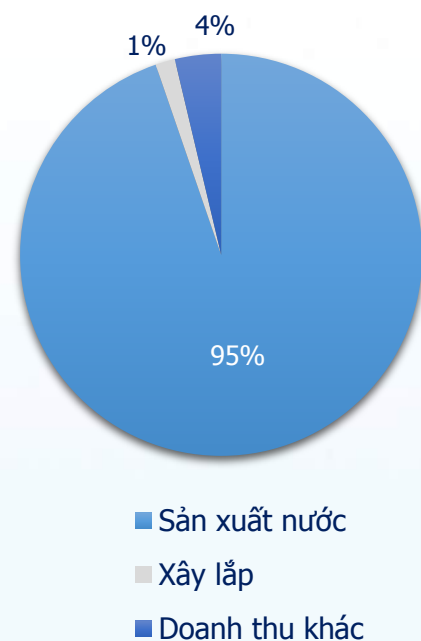
| Khoản mục | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|-----------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) | Giá trị | Tỷ trọng (%) |
| Sản xuất nước | 111.302.162.700 | 81,13% | 118.189.700.117 | 90,50% | 129.162.737.400 | 94,72% |
| Xây lắp | 6.360.862.759 | 4,64% | 4.509.695.860 | 3,45% | 2.143.118.122 | 1,57% |
| Doanh thu khác | 19.524.775.188 | 14,23% | 7.896.485.301 | 6,05% | 5.053.087.594 | 3,71% |
| Tổng Doanh thu | 137.187.800.647 | 100% | 130.595.881.278 | 100% | 136.358.943.116 | 100% |

CƠ CẤU DOANH THU QUA CÁC NĂM

■ Sản xuất nước ■ Xây lắp ■ Doanh thu khác



CƠ CẤU DOANH THU NĂM 2016



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| ĐVT: Đồng | | | |
|------------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| Chi tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Tỷ lệ 2016/2015 |
| Tài sản | 202.305.852.804 | 202.317.563.630 | 100,01% |
| Tài sản ngắn hạn | 149.718.442.319 | 141.310.137.336 | 94,38% |
| Tài sản dài hạn | 52.587.410.485 | 61.007.426.294 | 116,01% |
| Nguồn vốn | 202.305.852.804 | 202.317.563.630 | 100,01% |
| Nợ ngắn hạn | 24.868.350.860 | 23.450.305.031 | 94,30% |
| Nợ dài hạn | 0 | 0 | 0 |
| Vốn chủ sở hữu | 177.437.501.944 | 178.867.258.599 | 100,81% |

Tài sản:

Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty, theo đó khoản mục này đạt mức 141,31 tỷ đồng. Tuy nhiên so với năm 2015, tài sản ngắn hạn chỉ bằng 94,38% nguyên nhân dẫn đến kết quả này là do lượng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn của NTW trong năm sụt giảm 27,01%, giảm từ 77,68 tỷ xuống còn 56,70 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 16,01%, chủ yếu do tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc có sự gia tăng từ 6,72 tỷ lên 21,05 tỷ đồng.



Nguồn vốn:

Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu vốn chỉ bao gồm nợ ngắn hạn, trong năm 2016 khoản mục này có sự sụt giảm chỉ bằng 94,30% so với năm trước đạt mức 23,45 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do phải trả người lao động trong năm giảm đến 36,72%, giảm từ 4,88 tỷ xuống 3,09 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu thay đổi không đáng kể, đặc biệt năm vừa qua với việc phát hành thành công thêm 2,5 triệu cổ phiếu phổ thông Công ty đã nâng mức vốn điều lệ từ 50 tỷ lên 75 tỷ đồng.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn đang ổn định, năm 2016 tổng tài sản và nguồn vốn thay đổi không đáng kể so với năm trước. Tài sản của Công ty duy trì tỷ trọng thiên về ngắn hạn, tài sản dài hạn tăng trưởng nhẹ trong năm phù hợp với tiến độ của các

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Nhằm đảm bảo cơ cấu BKS đúng với quy định hiện nay, trong năm Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 đã thông qua Đơn từ nhiệm chức vụ thành viên BKS của Ông Nguyễn Việt Hưng và bầu bổ sung Ông Trần Văn Thùy là thành viên BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018. Ban kiểm soát đã tiến hành họp phiên thường kỳ đầu tiên để bầu lại chức danh Trưởng BKS, Ông Trần Văn Thùy được bầu làm trưởng BKS nhiệm kỳ 2013 - 2018 thay Ông Nguyễn Tấn Dũng.

Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua việc sửa đổi một số điều của điều lệ tổ chức và hoạt động công ty theo quy định mới của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017

| Các chỉ tiêu chủ yếu | ĐVT | Thực hiện năm 2016 | Kế hoạch năm 2017 | Tỷ lệ % 2017/2016 |
|-------------------------|----------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 13.715.300 | 14.685.243 | 107,07% |
| Sản lượng ghi thu | m ³ | 12.898.919 | 13.805.708 | 107,03% |
| Tỷ lệ thất nước thoát | % | 5,95% | 5,99% | -1,05% |
| Tổng doanh thu | 1.000đ | 136.358.943 | 143.097.466 | 105,52% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 23.923.233 | 25.239.011 | 105,50% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.000đ | 19.072.186 | 20.121.156 | 105,50% |
| Tỷ suất LNST/VDL | % | 25,4% | 26,8% | 105,50% |
| Các khoản nộp Ngân sách | 1.000đ | 7.993.590 | 8.431.629 | 105,48% |

Các biện pháp cụ thể thực hiện kế hoạch:

- ❖ Tiếp tục phổ biến, vận động và tuyên truyền CB.CNV thực hiện tốt các quy định qui chế làm việc của Công ty, các chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật nhà nước; tiếp tục thực hiện cuộc vận động "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đặc biệt nâng cao về nhận thức, hành động và thực hành tiết kiệm chống lãng phí.
- ❖ Phối hợp với Ban quản lý Khu công nghiệp, Công an khu công nghiệp Nhơn Trạch bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực và giải quyết một số công việc có liên quan đến hoạt động sản xuất - kinh doanh; tranh thủ sự quan tâm của Chính quyền địa phương huyện Nhơn Trạch để phát triển các mạng lưới cấp nước cho các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn.
- ❖ Tập trung mọi khả năng cung cấp nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt của các Doanh nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra bảo trì, sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước, hệ thống cấp nước và đồng hồ nước khách hàng hạn chế tỷ lệ thất thoát. Bảo dưỡng máy móc thiết bị thường kỳ, khắc phục kịp thời các sự cố kỹ thuật đảm bảo sản xuất ổn định.
- ❖ Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty, thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

Triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, được Hội đồng Quản trị, cổ đông thông qua:

- ❖ Công trình: Nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước lên công suất 5.000m³/ngày.đêm;
- ❖ Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ - Hoàn thành các hồ sơ, tổ chức đấu thầu trong quý I năm 2017 nhằm chuyển tải cung cấp nước sạch tới các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn xã Phước An, Long Thọ và các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn;
- ❖ Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước D160 đường Hùng Vương - Hoàn thành hồ sơ và tổ chức đấu thầu và triển khai thi công trong quý I năm 2017 nhằm cung cấp nước sạch cho người dân dọc hai bên đường Hùng Vương xã Đại Phước và Phú Đông;
- ❖ Dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước liên xã Phú Đông, Vĩnh Thanh và Phước Khánh, công suất 2.800m³/ngày.đêm - Hoàn thiện các hồ sơ thủ tục đất đai, hồ sơ dự án theo quy định trong quý II năm 2017 và triển khai thi công nhằm cung cấp nước cho các khu dân cư trên địa bàn xã Phú Đông, Vĩnh Thanh, Phước Khánh và đặc biệt là khu công nghiệp Ông Kèo theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai;
- ❖ Công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường ĐT769: Trần Phú xã Phước Thiện - Hoàn thành hồ sơ và tổ chức đấu thầu, triển khai thi công trong quý I năm 2017 nhằm cung cấp nước phục vụ cho người dân hiện hữu trên tuyến ĐT769 – Trần Phú xã Phước Thiện;
- ❖ Tiếp tục đầu tư mở rộng các mạng lưới cấp nước các hẻm trên địa bàn các xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Long Thọ, Đại Phước, Phú Đông, Phước Khánh thuộc huyện Nhơn Trạch bằng nguồn vốn của Công ty nhằm khai thác hiệu quả nguồn nước của các nhà máy nước hiện hữu.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2016 của CTCP Cấp nước Nhơn Trạch, vì vậy Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**
- ✓ **Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc**
- ✓ **Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị**



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| Các chỉ tiêu kế hoạch | ĐV tính | Kế hoạch năm 2016 | Thực hiện năm 2016 | Tỷ lệ % so KH |
|-------------------------|----------------|-------------------|--------------------|---------------|
| Sản lượng nước sản xuất | m ³ | 12.853.914 | 13.715.300 | 106,70% |
| Sản lượng ghi thu | m ³ | 11.954.277 | 12.898.919 | 107,90% |
| Tỷ lệ thất nước thoát | % | 7,00% | 5,95% | - |
| Tổng doanh thu | 1.000đ | 125.564.599 | 136.358.943 | 108,60% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.000đ | 19.272.916 | 23.923.233 | 124,13% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.000đ | 15.418.333 | 19.072.186 | 123,70% |
| Tỷ suất LNST/VĐL | % | 20,56% | 25,43% | - |
| Các khoản nộp Ngân sách | 1.000đ | 7.622.071 | 7.993.590 | 104,33% |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | % | 20% | 0% | - |

Nhìn lại một năm hoạt động, mặc dù kết quả về lợi nhuận sau thuế có sự sụt giảm so với năm 2015, tuy nhiên nếu xét về kế hoạch, công ty đã hoàn thành tốt vượt mức đề ra đến 23,70%, đạt 19,07 tỷ đồng. Chi phí giá vốn sản xuất nước tăng trong năm là nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến lợi nhuận. Sản lượng nước sản xuất và ghi thu đều vượt kế hoạch đề ra, đồng thời vấn đề thất thoát nước tiếp tục được kiểm soát rất tốt trong năm qua.

Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban điều hành được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế Quản trị Công ty và các quy định hiện hành.

Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát ban điều hành Công ty thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT. Đánh giá, dự báo, phân tích tình hình sản xuất kinh doanh từng tháng để HĐQT có biện pháp chỉ đạo kịp thời xử lý những vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo đúng quy định và điều lệ Công ty. Đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, cung cấp điện ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, KCN trên địa bàn hoạt động của Công ty.

Thực hiện Công Bố thông tin đầy đủ cho Ủy Ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo đúng quy định.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm qua, Ban Giám đốc Công ty đã thực luôn cố gắng phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó. Theo đó hoạt động sản xuất và cung cấp nước được duy trì ổn định cho sản xuất, sinh hoạt cho các khu dân cư, KCN trên địa bàn hoạt động của Công ty. Các thành viên trong Ban Giám đốc đã có một năm làm việc hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra và mong rằng kết quả này sẽ được duy trì trong những năm tiếp theo.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Duy trì các cuộc họp định kỳ của HĐQT theo quy định của Điều lệ công ty, nâng cao chất lượng các cuộc họp, xây dựng chiến lược phát triển của công ty phù hợp với tình hình thực tế của công ty, tình hình phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và khu vực.

Tiếp tục theo dõi, đánh giá việc thực hiện các dự án đang thi công như Nâng cấp, mở rộng trạm bơm cấp nước Đại Phước lên công suất 5.000m³/ngày.đêm. Xây dựng tuyến ống cấp nước D400 đường Nguyễn Văn Cừ. Hoàn thành các hồ sơ, tổ chức đấu thầu trong quý I năm 2017 nhằm chuyển tải cung cấp nước sạch tới các khu quy hoạch dân cư trên địa bàn xã Phước An, Long Thọ và các khu dân cư hiện hữu trên địa bàn.

Tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, phục vụ, ứng dụng các phần mềm quản lý nhằm nâng cao năng lực quản lý và điều hành đảm bảo mục tiêu nâng cao doanh thu và lợi nhuận hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2017 và các năm tiếp theo, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

Tiết kiệm tối đa chi phí hoạt động, nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu. Tập trung cung cấp nước an toàn cho sản xuất và sinh hoạt của các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch.

Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty trên phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo tính minh bạch, công khai theo quy định của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tiếp tục lựa chọn công ty kiểm toán có năng lực thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017.

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





VỀ KINH TẾ

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của công ty trong phạm vi số vốn mình đã góp vào công ty. Tạo công việc ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, góp phần tăng thu ngân sách tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế Tỉnh Đồng Nai và cả nước.

Từ thời điểm thành lập cho đến nay, Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Những năm gần đây, mặc dù không có sự tăng trưởng về lợi nhuận, tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CB.CNV Công ty luôn hoàn thành tốt kế hoạch năm nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông.

| Tiêu chí | Giá trị mang lại trong năm 2016 |
|-------------------|--|
| Kết quả hoạt động | Doanh thu thuần: 131.292.564.297 đồng; LNST: 19.072.186.418 đồng |
| Cổ đông | Cổ tức năm 2015: 20%, đã được chi trả trong năm 2016 |
| Nhà nước | Tổng khoản nộp ngân sách bằng 7,99 tỷ đồng |
| Người lao động | Mức lương bình quân 2016 là 9,95 triệu đồng/người/tháng |

VỀ XÃ HỘI

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CB.CNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CB.CNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao. Ngoài ra, NTW luôn chú trọng không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng nhu cầu sử dụng ngày càng cao của khách hàng.

Luôn duy trì thực hiện tốt công tác đoàn thể. Hiện nay, tổng số đoàn viên công đoàn tại Công ty là 82/85. Hàng tháng, công ty có sự kết hợp cùng Chính quyền, công đoàn bình xét thi đua, thăm hỏi CB.CNV ốm đau, hiếu, hỷ theo quy định, đóng góp ủng hộ quỹ "Học giỏi sống tốt". Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động.



VỀ MÔI TRƯỜNG – NĂNG LƯỢNG

Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm. Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm có những biện pháp kiểm soát, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước tại các khu vực khai thác. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

Việc tiêu thụ năng lượng có tác động trực tiếp đến công tác giảm chi phí hoạt động, vô hiệu hóa nguy cơ từ những biến động trong cung cấp năng lượng và giá cả.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối nước sạch, vì vậy loại năng lượng phục vụ cho hoạt động này chủ yếu là Điện và Nguồn nước ngầm tại khu vực khai thác. Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, NTW luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng này góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia và giảm thiểu chi phí hoạt động. Chất lượng nước thành phẩm của Công ty luôn đạt các tiêu chuẩn của Bộ y tế. Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ các quy định về môi trường.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





TINH THÁNH NGÀY 30/4 VÀ NGÀY QUỐC TẾ LAO ĐỘNG 1/5 BÀI DIỆT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC TIỂU BAN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện nay Công ty không thành lập tiểu ban hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã có 05 cuộc họp với sự tham dự của đầy đủ các thành viên

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|-----------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Cao Hà | - Chủ tịch HĐQT | 05 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Anh Tuấn | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 3 | Ông Nguyễn Thanh Bình | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Chí Quốc | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% | |
| 5 | Ông Ngô Dương Đại | - Ủy viên HĐQT | 05 | 100% | |

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường ký hàng Quý nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động của Công ty để đưa ra những Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh hàng Quý. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- ❖ Chỉ đạo, đánh giá kết quả SXKD và đầu tư xây dựng cơ bản trong từng tháng, Quý. Đôn đốc và giám sát ban điều hành công ty thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành, quản lý để thực hiện tốt những chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng tháng, quý còn lại.
- ❖ Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, tài liệu và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thành công tốt đẹp.
- ❖ Thông qua Đại hội cổ đông, Đại hội đã thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên BKS của Ông Nguyễn Viết Hưng và bầu bổ sung Ông Trần Văn Thùy làm Trưởng ban kiểm soát Công ty theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13. Đồng thời sửa đổi một số Điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2013.
- ❖ Kiểm tra, theo dõi việc công bố thông tin định kỳ và bất thường cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội công ty đã thực hiện theo đúng quy định.

- ❖ Phê duyệt các chủ trương, ban hành các Nghị quyết, Quyết định thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- ❖ Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo đúng Điều lệ Công ty, dự họp đầy đủ và có nhiều ý kiến đóng góp thiết thực cho việc ban hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đảm bảo cho việc thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản.

Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của HĐQT:

Nghị quyết HĐQT

| STT | Số Nghị quyết | Ngày phát hành | Nội dung |
|-----|---------------------|----------------|--|
| 1 | 01/2016/NQ-HĐQT-NTW | 24/06/2016 | V/v: Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch . |
| 2 | 02/2016/NQ-HĐQT-NTW | 20/07/2016 | V/v: Chi thưởng cho Ban Quản lý, điều hành Công ty năm 2015. |
| 3 | 03/2016/NQ-HĐQT-NTW | 30/08/2016 | V/v: Cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai vay vốn. |

Quyết định HĐQT

| STT | Số Quyết định | Ngày phát hành | Nội dung |
|-----|---------------------|----------------|---|
| 1 | 01/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 14/01/2016 | V/v: Phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường ĐT 769 Trần Phú, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 2 | 02/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 27/01/2016 | V/v: Phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng HTCN liên xã Phú Đông, Vĩnh Thanh và Phước Khánh công suất 2,800 m ³ /ngày.đêm. Địa điểm: xã Phú Đông, Vĩnh Thanh và Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 3 | 03/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 27/01/2016 | V/v: Duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn dự án: Xây dựng tuyến ống cấp nước HDPE D160 đường Trần Phú. Địa điểm: xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. |
| 4 | 04/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 04/03/2016 | V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |

| | | | |
|----|---------------------|------------|---|
| 5 | 05/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 05/04/2016 | V/v: Thay đổi vốn Điều lệ và Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |
| 6 | 06/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 15/04/2016 | V/v: Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch. |
| 7 | 07/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 25/04/2016 | V/v: Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty. |
| 8 | 08/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 25/04/2016 | V/v: Giao nhiệm vụ phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán Công ty. |
| 9 | 09/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 04/05/2016 | V/v: Chỉ định thư ký Hội đồng Quản trị Công ty. |
| 10 | 10/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 30/08/2016 | V/v: Miễn nhiệm chức vụ Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán Công ty. |
| 11 | 11/2016/QĐ-HĐQT-NTW | 30/08/2016 | V/v: Giao nhiệm vụ phụ trách phòng Tài chính - Kế toán Công ty. |

Các thành viên trong HĐQT có bằng quản trị: Không có

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động Ban kiểm soát

Trong năm Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Nội dung các cuộc họp nhằm triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, kế toán tài chính, kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động khác của công ty.

Với tinh thần trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát cử người tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để giám sát phối hợp. Trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty bảo đảm công ty hoạt động theo đúng nghị quyết Đại Hội cổ đông thường niên 2016 đề ra, phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, lương, thưởng và các khoản lợi ích

| Họ và tên | Chức danh | Thù lao | Lương | Thưởng |
|----------------------------|----------------------|------------|-------------|------------|
| Hội đồng quản trị | | | | |
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch | 84.000.000 | | 80.000.000 |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên | 60.000.000 | | 70.000.000 |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên | 60.000.000 | | 70.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên | 60.000.000 | | 70.000.000 |
| Ông Nguyễn Chí Quốc | Thành viên | 60.000.000 | | 70.000.000 |
| Ban kiểm soát | | | | |
| Ông Trần Văn Thùy | Trưởng ban | | 417.173.480 | 40.000.000 |
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Thành viên | 48.000.000 | | 50.000.000 |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên | 48.000.000 | | 20.000.000 |
| Ban điều hành | | | | |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc | | 624.303.395 | |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám đốc | | 451.082.020 | |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám đốc | | 520.025.390 | 50.000.000 |
| Bà Đặng Thị Thu Hằng | Phụ trách Phòng TCKT | | 291.882.369 | 30.000.000 |

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



| | | | | |
|------------|--------------|--------------|--------------|------------|
| 61,050 | 8,606,957 | 56,640,994 | 69,643,887 | 911 |
| 520,199 | (19,692,428) | (17,931,157) | (13,476,307) | 520,199 |
| (890,066) | (7,921,068) | (12,660,418) | (352,635) | (890,066) |
| 8,652,779 | (41,089,803) | (30,944,210) | (30,377,262) | 8,652,779 |
| 43,063,044 | 28,554,084 | 25,696,784 | 22,652,303 | 43,063,044 |

Summary Report

Summary Of Sales (Percent)

| | |
|-----|-----------------|
| 17% | Product Type 1 |
| 8% | Product Type 2 |
| 3% | Product Type 3 |
| 4% | Product Type 4 |
| 6% | Product Type 5 |
| 7% | Product Type 6 |
| 9% | Product Type 7 |
| 11% | Product Type 8 |
| 14% | Product Type 9 |
| 6% | Product Type 10 |
| 9% | Product Type 11 |
| 12% | Product Type 12 |



Summary Of Sales

Summary Of Sales

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 1 – 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 – 5 |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN | |
| Bảng cân đối kế toán | 6 – 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 10 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 11 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính | 12 – 34 |



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch tiền thân là Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, được thành lập năm 1997, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành Viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14 tháng 02 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 11 năm 2008;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 5 năm 2012 về việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3600977120; thay đổi danh sách và tỷ lệ góp vốn của cổ đông sáng lập;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 5 năm 2015 về việc tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND thành 50 tỷ VND, thay đổi tỷ lệ góp vốn;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 4 năm 2016 về việc tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ VND thành 75 tỷ VND;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ năm ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc thay đổi thông tin cá nhân của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : (0613) 560 574
- Fax : (0613) 560 031

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: NTW
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 7.500.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 75.000.000.000 VND.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm tài chính này và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

0044
CÔNG
CH NHIE
KIEM
C VI
- TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên | Chức vụ |
|-----------------------|------------|
| Ông Nguyễn Cao Hà | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Ngô Dương Đại | Thành viên |
| Ông Ngô Chí Quốc | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Bình | Thành viên |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm thay đổi trong năm tài chính |
|----------------------------|------------|--|
| Ông Nguyễn Tấn Dũng | Trưởng ban | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Trần Văn Thùy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016 |
| Ông Đặng Nguyễn Thanh Liêm | Thành viên | |
| Ông Nguyễn Việt Hưng | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016 |

Ban Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|--------------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc |
| Ông Ngô Dương Đại | Phó Giám đốc |
| Ông Võ Quang Hồng | Phó Giám đốc |

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

| Họ và tên | Chức vụ |
|---------------------|----------|
| Ông Nguyễn Anh Tuấn | Giám đốc |

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

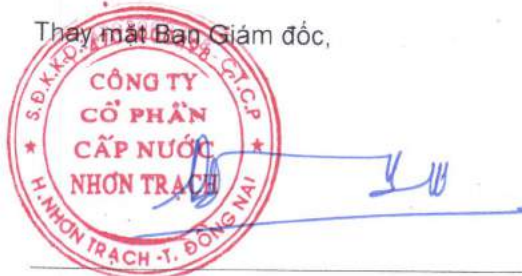
Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017



Số: 132/2016/BCKT-HCM.00771

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 01 năm 2016.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 02 năm 2017

PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 141.310.137.336 | 149.718.442.319 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5.1 | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 |
| Tiền | 111 | | 2.425.511.430 | 6.905.833.363 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 56.702.763.855 | 77.681.093.810 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 73.026.108.193 | 54.934.466.144 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5.2 | 33.967.436.161 | 33.401.932.163 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 5.3 | 449.053.741 | 3.378.928.395 |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 5.4 | 40.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 5.5 | 925.115.517 | 469.102.812 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 5.6 | (2.315.497.226) | (2.315.497.226) |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| Hàng tồn kho | 140 | | 7.516.969.927 | 8.462.948.259 |
| Hàng tồn kho | 141 | 5.7 | 7.516.969.927 | 8.462.948.259 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.638.783.931 | 1.734.100.743 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1.274.646.075 | 1.218.916.283 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | 5.12 | 364.137.856 | 515.184.460 |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

044
CÔNG
NHÌ
ÊM
VIỆ
TP.

044
CÔNG
NHÌ
ÊM
VIỆ
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 61.007.426.294 | 52.587.410.485 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | - |
| Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| Tài sản cố định | 220 | | 58.174.831.663 | 38.268.184.079 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 5.8 | 58.172.331.663 | 38.250.684.079 |
| Nguyên giá | 222 | | 148.377.295.657 | 117.158.638.543 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (90.204.963.994) | (78.907.954.464) |
| Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| Nguyên giá | 225 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 5.9 | 2.500.000 | 17.500.000 |
| Nguyên giá | 228 | | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (42.500.000) | (27.500.000) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| Nguyên giá | 231 | | - | - |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 2.832.594.631 | 14.319.226.406 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 5.10 | 2.832.594.631 | 14.319.226.406 |
| Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | - | - |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | - | - |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | - | - |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 202.317.563.630 | 202.305.852.804 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 23.450.305.031 | 24.868.350.860 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 23.450.305.031 | 24.868.350.860 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 5.11 | 8.270.384.071 | 8.092.583.170 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 20.014.050 | 357.897.681 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 5.12 | 298.202.490 | 179.955.966 |
| Phải trả người lao động | 314 | 5.13 | 3.088.569.736 | 4.880.953.237 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | - | - |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 5.14 | 261.719.708 | 537.483.022 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | | - | - |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 5.15 | 11.511.414.976 | 10.819.477.784 |
| Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 178.867.258.599 | 177.437.501.944 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 5.16 | 178.867.258.599 | 177.437.501.944 |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 75.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 6.043.138.411 | 6.043.138.411 |
| Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 40.839.064.343 | 64.187.545.741 |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 56.985.055.845 | 57.206.817.792 |
| <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | 421a | | 37.912.869.427 | 24.130.748.472 |
| <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | 421b | | 19.072.186.418 | 33.076.069.320 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 202.317.563.630 | 202.305.852.804 |



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng




NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|-----------|-------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 6.1.1 | 131.305.855.522 | 122.711.812.461 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 6.2 | 13.291.225 | 12.416.484 |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 131.292.564.297 | 122.699.395.977 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 6.3 | 102.742.612.387 | 76.499.796.101 |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 28.549.951.910 | 46.199.599.876 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 6.4 | 4.817.938.487 | 4.102.798.837 |
| Chi phí tài chính | 22 | | - | - |
| - Trong đó, chi phí lãi vay | 23 | | - | - |
| Chi phí bán hàng | 25 | 6.5 | 1.496.573.036 | 828.936.399 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 6.6 | 7.931.384.987 | 7.058.232.425 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 23.939.932.374 | 42.415.229.889 |
| Thu nhập khác | 31 | 6.7 | 235.149.107 | 3.793.686.464 |
| Chi phí khác | 32 | 6.8 | 251.848.459 | 3.743.728.218 |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác | 40 | | (16.699.352) | 49.958.246 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 23.923.233.022 | 42.465.188.135 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 5.12 | 4.851.046.604 | 9.434.816.087 |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 19.072.186.418 | 33.030.372.048 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.9.1 | 2.543 | 4.052 |



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Mã số | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | 23.923.233.022 | 42.465.188.135 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 11.312.009.530 | 10.615.852.330 |
| Các khoản dự phòng/(hoàn nhập) (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 03 | - | - |
| (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư | 04 | - | - |
| Chi phí lãi vay | 05 | (4.817.938.487) | (4.102.798.837) |
| Các khoản điều chỉnh khác | 06 | - | - |
| Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động | 07 | - | - |
| (Tăng), giảm các khoản phải thu | 08 | 30.417.304.065 | 48.978.241.628 |
| (Tăng), giảm hàng tồn kho | 09 | 2.536.270.758 | (5.814.810.184) |
| Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 10 | 945.978.332 | 1.123.705.899 |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 11 | (2.285.069.700) | 3.242.009.549 |
| Tăng giảm chứng khoán kinh doanh | 12 | - | - |
| Tiền lãi vay đã trả | 13 | - | - |
| Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | - | - |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | (4.700.000.000) | (10.705.525.038) |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | - |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (1.950.492.571) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh | 20 | 24.963.990.884 | 36.823.621.854 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (19.732.025.339) | (19.481.419.607) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | (20.000.000.000) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | - | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 4.285.342.492 | 4.102.798.837 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (35.446.682.847) | (15.378.620.770) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | - | - |
| Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - |
| Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (14.975.959.925) | (12.402.761.725) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (14.975.959.925) | (12.402.761.725) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM | 50 | (25.458.651.888) | 9.042.239.359 |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 60 | 84.586.927.173 | 75.544.687.814 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 70 | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 |

NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập biểu

ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM vào ngày 09 tháng 4 năm 2012 như sau:

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: NTW.
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 7.500.000 cổ phiếu.
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 75.000.000.000 VND.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Chi tiết: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, phân phối nước sạch);
- Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm nước);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí (Chi tiết: Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 85 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 83 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam "VND" do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 05 - 07 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 |

4.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm kế toán.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.14 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.15 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty /đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty/đối tượng

Quan hệ

| | |
|---|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | Công ty cùng tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh | Công ty cùng tập đoàn |
| Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc | Thành viên chủ chốt |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt - VND | 176.864.673 | 82.389.847 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND | 2.248.646.757 | 6.823.443.516 |
| Các khoản tương đương tiền - VND (*) | 56.702.763.855 | 77.681.093.810 |
| | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 |

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gửi từ 01 tháng đến 03 tháng. Lãi suất tiền gửi từ 4% đến 5%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | |
| Phải thu bán tài sản cố định | 16.466.323.376 | 16.466.323.376 |
| Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch | 8.391.405 | 8.391.405 |
| Phải thu các khách hàng khác | | |
| Phải thu tiền nước | | |
| Phải thu tiền nước tháng 12/2016 | 11.401.042.952 | - |
| Phải thu tiền nước tháng 12/2015 | - | 10.616.439.827 |
| Phải thu tiền nước tồn của các tháng trước | 24.161.325 | 20.566.259 |
| Phải thu tiền lắp đặt hệ thống cấp thoát nước và đồng hồ nước | | |
| Ban quản lý dự án huyện Nhơn Trạch | 2.348.729.836 | 2.534.539.008 |
| Công ty TNHH Vạn Phúc | 2.271.119.074 | 2.271.119.074 |
| Ủy Ban Nhân Dân Xã Phú Hữu | 847.017.620 | 961.941.735 |
| Hợp tác xã Dịch vụ Nông Nghiệp Đại Phước | 341.982.600 | 341.982.600 |
| Khách hàng khác | 258.667.973 | 180.628.879 |
| | 33.967.436.161 | 33.401.932.163 |

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|--------------------|----------------------|
| Trả trước cho người bán khác | | |
| Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Đức Anh | | |
| | - | 269.016.782 |
| Công ty TNHH Anh Ngôn | | |
| | 177.111.000 | 177.111.000 |
| Công ty Cổ phần công nghệ nước Nam An Xanh | | |
| | 82.500.000 | - |
| Công ty Cổ phần Ngọc Tích Đồng Nai | | |
| | 68.740.000 | 68.740.000 |
| Công ty TNHH TM và DV KT Đức Hùng | | |
| | - | 764.943.863 |
| Trung tâm kiểm định và tư vấn xây dựng Đồng Nai | | |
| | - | 312.304.187 |
| Công ty TNHH Tân Bửu Long | | |
| | - | 1.504.500.000 |
| Các nhà cung cấp khác | | |
| | 120.702.741 | 282.312.563 |
| | 449.053.741 | 3.378.928.395 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai (*) | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai (**) | 20.000.000.000 | - |
| | 40.000.000.000 | 20.000.000.000 |

(*) Là khoản tiền cho Công ty mẹ – Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 38/2016/HĐ-NTW ngày 09 tháng 11 năm 2016, thời hạn cho vay là 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là 4,6%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

(**) Là khoản tiền cho Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai vay theo hợp đồng vay số 530/DVXDCN ngày 25 tháng 09 năm 2016, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 01 tháng 10 năm 2017, lãi suất cho vay là 7%/năm. Không có tài sản đảm bảo hoặc bảo lãnh cho khoản cho vay.

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu các bên liên quan | | | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | | | |
| Phải thu phí di dời trụ cứu hỏa | 82.260.000 | - | 82.260.000 | - |
| Phải thu lãi cho vay dự thu | 135.444.444 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | | | | |
| Phải thu lãi cho vay dự thu | 7.777.778 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | | | | |
| Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dự thu | 389.373.773 | - | - | - |
| Tòa Án Nhân Dân huyện Nhơn Trạch | 4.427.775 | - | 50.335.547 | - |
| Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa | 76.182.309 | - | 67.944.827 | - |
| Tạm ứng | 140.625.000 | - | 179.538.000 | - |
| Ký cược, ký quỹ | 89.024.438 | - | 89.024.438 | - |
| | 925.115.517 | - | 469.102.812 | - |

5.6 Nợ xấu

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|---|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thẻ thu hồi VND | Thời gian quá hạn | Giá gốc VND | Giá trị có thẻ thu hồi VND |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | | | | | |
| Phải thu thương mại | | | | | | |
| Công ty TNHH Vạn Phúc | | | | | | |
| Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước | Trên 3 năm | 2.271.119.074 | - | Trên 3 năm | 2.271.119.074 | - |
| Ông Lê Văn Tùng | | | | | | |
| Phải thu phí lắp đặt hệ thống cấp nước | Trên 3 năm | 44.378.152 | - | Trên 3 năm | 44.378.152 | - |
| | | 2.315.497.226 | - | | 2.315.497.226 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Nợ phải thu thương mại VND |
|--------------------------------------|--------------------------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | 2.315.497.226 |
| Trích lập dự phòng bổ sung trong năm | - |
| Tại ngày 31/12/2016 | 2.315.497.226 |

5.7 Hàng tồn kho

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--------------------------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.092.650.715 | - | 8.057.624.161 | - |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 424.319.212 | - | 405.324.098 | - |
| | 7.516.969.927 | - | 8.462.948.259 | - |

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Cộng VND |
|-----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|--|---------------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 25.176.558.249 | 22.878.914.816 | 68.715.274.378 | 387.891.100 | 117.158.638.543 |
| Mua trong năm | 160.500.000 | 1.818.911.969 | - | 709.424.155 | 2.688.836.124 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 17.227.393.055 | 6.005.455 | 11.328.620.927 | - | 28.562.019.437 |
| Giảm khác | - | - | (32.198.447) | - | (32.198.447) |
| Tại ngày 31/12/2016 | 42.564.451.304 | 24.703.832.240 | 80.011.696.858 | 1.097.315.255 | 148.377.295.657 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 18.451.588.130 | 15.677.985.421 | 44.521.195.370 | 257.185.543 | 78.907.954.464 |
| Khấu hao trong năm | 3.076.219.160 | 2.154.191.924 | 5.981.116.126 | 85.482.320 | 11.297.009.530 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 21.527.807.290 | 17.832.177.345 | 50.502.311.496 | 342.667.863 | 90.204.963.994 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 6.724.970.119 | 7.200.929.395 | 24.194.079.008 | 130.705.557 | 38.250.684.079 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 21.036.644.014 | 6.871.654.895 | 29.509.385.362 | 754.647.392 | 58.172.331.663 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

| | | | | | |
|---------------------|----------------|----------------|----------------|-------------|-----------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | 12.017.123.694 | 10.487.122.823 | 14.616.718.807 | 247.891.100 | 37.368.856.424 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 12.017.123.694 | 11.653.595.864 | 18.557.057.559 | 247.891.100 | 42.475.668.217 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

| | Phân mềm kế toán VND |
|-------------------------------|----------------------------|
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 45.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 45.000.000 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 27.500.000 |
| Khấu hao trong năm | 15.000.000 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 42.500.000 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 17.500.000 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 2.500.000 |

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 01/01/2016 VND | Chi phí phát sinh trong năm VND | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|---|-----------------------|---------------------------------------|---|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang | | | | |
| Công trình hệ thống cấp nước KCN Nhơn Trạch công suất 2500 m ³ /ngày | 411.194.417 | 1.486.067.245 | - | 1.897.261.662 |
| Công trình xây mới văn phòng công ty | 10.371.725.927 | 7.292.833.635 | 16.984.993.125 | 679.566.437 |
| Công trình tuyến ống cấp nước DN200 Đường ĐT 769 - Xã Phú Hội | 3.485.909.380 | 2.293.171.619 | 5.779.080.999 | - |
| Công trình lắp đặt 2 giếng mới trạm Đại Phước | - | 236.130.171 | - | 236.130.171 |
| Khác | 50.396.682 | 5.767.184.992 | 5.797.945.313 | 19.636.361 |
| | 14.319.226.406 | 17.075.387.662 | 28.562.019.437 | 2.832.594.631 |

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | 6.624.075.890 | 5.532.015.258 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | - | 1.727.074.000 |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | | |
| Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đức Anh | 1.108.842.213 | - |
| Các nhà cung cấp khác | 537.465.968 | 833.493.912 |
| | 8.270.384.071 | 8.092.583.170 |

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 01/01/2016 | | Số phát sinh trong năm | | 31/12/2016 | |
|--|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|--------------------|----------------------|
| | Phải nộp VND | Phải thu VND | Số phải nộp VND | Số đã nộp VND | Phải nộp VND | Phải thu VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (515.184.460) | 4.851.046.604 | (4.700.000.000) | - | (364.137.856) |
| Thuế thu nhập cá nhân | 4.599.440 | - | 918.676.734 | (866.026.186) | 57.249.988 | - |
| Thuế tài nguyên | 126.545.366 | - | 2.017.956.751 | (1.954.440.255) | 190.061.862 | - |
| Thuế môn bài | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 48.811.160 | - | 202.910.560 | (200.831.080) | 50.890.640 | - |
| Cộng | 179.955.966 | (515.184.460) | 7.993.590.649 | (7.718.297.521) | 298.202.490 | (364.137.856) |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 23.923.233.022 | 42.465.188.135 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| Các khoản điều chỉnh tăng | | |
| - Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không tham gia điều hành | 332.000.000 | 175.500.000 |
| - Phạt hành chính thuế | - | 175.628.773 |
| - Khác | - | 69.210.760 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập tính thuế | 24.255.233.022 | 42.885.527.668 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 22% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 4.851.046.604 | 9.434.816.087 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.13 Phải trả người lao động

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền lương phải trả | 3.088.569.736 | 2.800.000.000 |
| Quỹ lương dự phòng | - | 2.080.953.237 |
| | 3.088.569.736 | 4.880.953.237 |

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|--------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> | | |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 139.388.000 | 115.347.925 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 122.331.708 | 422.135.097 |
| | 261.719.708 | 537.483.022 |

Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | 01/01/2016 VND | Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND | Chi quỹ trong năm VND | 31/12/2016 VND |
|--------------------------------------|-----------------------|---|-----------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 6.257.311.637 | 660.607.441 | (17.500.000) | 6.900.419.078 |
| Quỹ phúc lợi | 4.558.244.596 | 990.911.161 | (942.992.571) | 4.606.163.186 |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 3.921.551 | 990.911.161 | (990.000.000) | 4.832.712 |
| | 10.819.477.784 | 2.642.429.763 | (1.950.492.571) | 11.511.414.976 |

5.16 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")**5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 01/01/2015 | 50.000.000.000 | 6.043.138.411 | 62.082.330.312 | 42.104.308.589 | 160.229.777.312 |
| Lãi trong trong năm | - | - | - | 33.030.372.048 | 33.030.372.048 |
| Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (2.105.215.430) | (2.105.215.430) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý | - | - | - | (1.263.129.258) | (1.263.129.258) |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | - | - | 2.105.215.429 | (2.105.215.429) | - |
| Chia cổ tức năm 2014 | - | - | - | (12.500.000.000) | (12.500.000.000) |
| Tăng khác | - | - | - | 45.697.272 | 45.697.272 |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 31/12/2015 | 50.000.000.000 | 6.043.138.411 | 64.187.545.741 | 57.206.817.792 | 177.437.501.944 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Vốn đầu tư của CSH VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Cộng VND |
|--|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 01/01/2016 | 50.000.000.000 | 6.043.138.411 | 64.187.545.741 | 57.206.817.792 | 177.437.501.944 |
| Tăng vốn trong năm | 25.000.000.000 | - | (25.000.000.000) | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | 19.072.186.418 | 19.072.186.418 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (1.651.518.602) | (1.651.518.602) |
| Trích lập Quỹ khen thưởng Ban điều hành và quản lý | - | - | - | (990.911.161) | (990.911.161) |
| Trích lập các quỹ đầu tư phát triển | - | - | 1.651.518.602 | (1.651.518.602) | - |
| Chia cổ tức năm 2015 | - | - | - | (15.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Số dư tại ngày | | | | | |
| 31/12/2016 | 75.000.000.000 | 6.043.138.411 | 40.839.064.343 | 56.985.055.845 | 178.867.258.599 |

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**Cổ đông**

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|----------------|
| | VND | Tỷ lệ (%) | VND | Tỷ lệ (%) |
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | 39.328.020.000 | 52,44% | 26.218.680.000 | 52,44% |
| AMERICA LLC | 9.811.990.000 | 13,08% | 7.612.000.000 | 15,22% |
| Các cổ đông khác | 25.859.990.000 | 34,48% | 16.169.320.000 | 32,34% |
| | 75.000.000.000 | 100,00% | 50.000.000.000 | 100,00% |

Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn từ 50 tỷ VND lên 75 tỷ VND và Nghị Quyết số 01/2015/NQLYK-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 10 năm 2015 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), số cổ phiếu phát hành thêm trong năm là 2.500.000 cổ phiếu. Chi tiết phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua.
- Phương thức phát hành: Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu được phân phối theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ phát hành (tỷ lệ hiện quyền) 2:1. Cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phần được nhận 01 quyền nhận cổ phiếu. Cứ 02 quyền nhận cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu mới.

5.17 Cổ phiếu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 7.500.000 | 5.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 7.500.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.500.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 7.500.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 7.500.000 | 5.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND | | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.18 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-NTW ngày 26 tháng 05 năm 2016 như sau:

| | VND |
|---------------------------------------|----------------|
| • Chia cổ tức cho các cổ đông | 15.000.000.000 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.651.518.602 |
| • Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | 990.911.161 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển | 1.651.518.602 |

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu hoạt động cấp nước | 129.162.737.400 | 118.189.700.117 |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 2.143.118.122 | 4.522.112.344 |
| | 131.305.855.522 | 122.711.812.461 |

Doanh thu của thành phẩm đã tiêu thụ, dịch vụ đã cung cấp, các công trình xây dựng đã hoàn thành.

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 13.291.225 | 12.416.484 |
| | 13.291.225 | 12.416.484 |

6.3 Giá vốn hàng bán

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu hoạt động cấp nước | 101.075.910.027 | 72.678.344.505 |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 1.666.702.360 | 3.821.451.596 |
| | 102.742.612.387 | 76.499.796.101 |

Giá vốn của thành phẩm đã tiêu thụ, dịch vụ đã cung cấp, các công trình xây dựng đã hoàn thành.

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi | 3.364.716.265 | 3.290.021.059 |
| Lãi tiền cho vay | 1.453.222.222 | 812.777.778 |
| | 4.817.938.487 | 4.102.798.837 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.5 Chi phí bán hàng

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên | 93.367.500 | 19.929.500 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 1.369.935.900 | 803.203.899 |
| Chi phí bán hàng khác | 33.269.636 | 5.803.000 |
| | 1.496.573.036 | 828.936.399 |

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 6.171.895.518 | 5.575.886.955 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 139.756.500 | 161.086.074 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 287.824.046 | 133.003.227 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 100.482.320 | 37.672.222 |
| Chi phí nhiên liệu | 143.043.167 | 134.336.946 |
| Chi phí tư vấn chuyên nghiệp | 88.885.676 | 57.500.000 |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô | 89.885.184 | 68.847.144 |
| Chi phí tiếp khách, tiệc, hội nghị | 453.358.545 | 381.875.309 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp khác | 456.254.031 | 508.024.548 |
| | 7.931.384.987 | 7.058.232.425 |

6.7 Thu nhập khác

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Thu nhập từ chuyển nhượng vật tư | 229.809.840 | 3.615.813.081 |
| Khác | 5.339.267 | 177.873.383 |
| | 235.149.107 | 3.793.686.464 |

6.8 Chi phí khác

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---------------------------------|--------------------|----------------------|
| Chi phí từ chuyển nhượng vật tư | 226.542.909 | 3.498.888.685 |
| Phạt hành chính thuế | - | 175.628.773 |
| Khác | 25.305.550 | 69.210.760 |
| | 251.848.459 | 3.743.728.218 |

6.9 Lãi trên cổ phiếu**6.9.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 19.072.186.418 | 33.030.372.048 |
| Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: | | |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | (1.651.518.602) |
| - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (*) | - | (990.911.161) |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 19.072.186.418 | 30.387.942.285 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 7.500.000 | 7.500.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 2.543 | 4.052 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(*) Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch chia lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp nên các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trong năm này chưa thể xác định.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển trong năm | 2.500.000 | 2.500.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 7.500.000 | 7.500.000 |

Trong năm 2016, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu). Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này, bên cạnh đó điều chỉnh các khoản các lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.606 VND xuống còn 4.052 VND.

6.9.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 5.749.433.115 | 5.288.304.272 |
| Chi phí nhân công | 15.510.210.476 | 16.449.827.439 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.312.009.530 | 10.615.852.330 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 76.394.521.010 | 48.423.322.559 |
| Chi phí khác | 3.223.391.393 | 3.653.017.811 |
| | 112.189.565.524 | 84.430.324.411 |

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1995.
TY
NHỮU
TOÁN
T NAI
Đ C

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Cho vay

Công ty có cho công ty mẹ vay tiền. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

| | Dưới 1 năm VND | Từ 1 đến 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | |
| Phải trả người bán | 8.270.384.071 | - | 8.270.384.071 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 122.331.708 | - | 122.331.708 |
| | 8.392.715.779 | - | 8.392.715.779 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | | | |
| Phải trả người bán | 8.092.583.170 | - | 8.092.583.170 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 422.135.097 | - | 422.135.097 |
| | 8.514.718.267 | - | 8.514.718.267 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015.

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Các khoản cho vay và phải thu | | | | |
| Phải thu khách hàng | 17.492.721.380 | 16.927.217.382 | 15.177.224.154 | 14.620.111.561 |
| Phải thu các bên liên quan | 56.700.197.003 | 36.556.974.781 | 56.700.197.003 | 36.548.583.376 |
| Các khoản phải thu khác | 478.398.211 | 89.024.438 | 478.398.211 | 89.024.438 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 | 59.128.275.285 | 84.586.927.173 |
| Tổng cộng | 133.799.591.879 | 138.160.143.774 | 131.484.094.653 | 135.844.646.548 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|--|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | Ngày 31 tháng 12 năm 2015 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Nợ phải trả tài chính được Xác định theo giá trị phân bổ: | | | | |
| Phải trả các bên liên quan | 6.624.075.890 | 7.259.089.258 | 6.624.075.890 | 7.259.089.258 |
| Phải trả người bán | 1.646.308.181 | 833.493.912 | 1.646.308.181 | 833.493.912 |
| Phải trả khác | 122.331.708 | 422.135.097 | 122.331.708 | 422.135.097 |
| Tổng cộng | 8.392.715.779 | 8.514.718.267 | 8.392.715.779 | 8.514.718.267 |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

(2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phát sinh

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị | | |
| Thù lao của Hội đồng quản trị | 324.000.000 | 198.000.000 |
| Tiền thưởng | 360.000.000 | 357.500.000 |
| Ban kiểm soát | | |
| Thù lao | 300.968.120 | 72.000.000 |
| Tiền thưởng | 100.000.000 | 121.000.000 |
| Ban Giám đốc | | |
| Tiền lương | 1.595.410.805 | 1.437.531.452 |
| Tiền thưởng | 50.000.000 | 58.300.000 |
| Các khoản phúc lợi khác | - | 22.020.000 |
| Kế toán trưởng | | |
| Tiền lương | 317.763.805 | 369.597.662 |
| Tiền thưởng | 40.000.000 | 33.000.000 |
| Các khoản phúc lợi khác | - | 6.780.000 |
| | 3.088.142.730 | 2.675.729.114 |

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--|--------------------|-----------------|-----------------|
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | Mua nước | 71.097.807.528 | 43.110.669.940 |
| | Trả cổ tức | 7.865.604.000 | 6.554.670.000 |
| | Cho vay | - | 10.000.000.000 |
| | Lãi cho vay | 1.095.444.444 | 812.777.778 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | Cho vay tiền | 20.000.000.000 | - |
| | Lãi cho vay | 357.777.778 | - |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác được trình bày như sau:

| Công ty liên quan | Nội dung | 31/12/2016 VND | 01/01/2016 VND |
|--|---|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Phải thu thương mại – Xem thêm mục 5.2 | | |
| | Bán tài sản cố định | 16.466.323.376 | 16.466.323.376 |
| | Phải thu cải tạo sửa chữa hàng rào | | |
| | Trạm bơm tăng áp Nhơn Trạch | 8.391.405 | 8.391.405 |
| | Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5 | | |
| | Phải thu di dời trạm cứu hỏa | 82.260.000 | 82.260.000 |
| | Phải thu lãi cho vay | 135.444.444 | - |
| | Phải trả thương mại - Xem thêm mục 5.11 | | |
| | Phải trả tiền mua nước | (6.624.075.890) | (5.532.015.258) |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai | | | |
| | Phải thu về cho vay - Xem thêm mục 5.4 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| | Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5 | 7.777.778 | - |
| | Phải trả thương mại – Xem thêm mục 5.11 | | -(1.727.074.000) |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là sản xuất và kinh doanh nước tại khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc sai sót kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

| Bảng kết quả kinh doanh | | Năm 2015 | | Năm 2015 |
|--------------------------|----|--------------------------|------------|----------|
| | | Số liệu trước điều chỉnh | Điều chỉnh | |
| | | VND | VND | VND |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 6.606 | (2.554) | 4.052 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Trong năm 2016, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển với giá trị là 25 tỷ VND (tương ứng với 2.500.000 cổ phiếu). Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này, bên cạnh đó điều chỉnh các khoản các lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông do trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 6.606 VND xuống còn 4.052 VND.

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN VĂN HOÀN
Người lập



ĐẶNG THỊ THU HẰNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN ANH TUẤN
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH



Nhơn Trạch, Ngày 28 tháng 02 năm 2017

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN